

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM VÀ TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC CẨN THẬN CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẦU GIÁ TRƯỚC KHI THAM GIA ĐẦU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẦU GIÁ



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 38217713 Fax: (84-8) 3821745

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 38297214 Fax: (84-8) 38290146

TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẦU GIÁ



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 38242897 Fax: (84-8) 38242997

MỤC LỤC

TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT ĐẤU GIÁ	5
THUẬT NGỮ VÀ VIẾT TẮT	6
I. GIỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA	7
1. Thông tin chung	7
2. Ngành nghề sản xuất kinh doanh	7
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu	8
4. Cơ cấu tổ chức	12
5. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần	14
6. Giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước	15
7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp	18
7.3 Máy móc thiết bị	36
8. Các công ty con, công ty liên kết, liên doanh và các khoản đầu tư dài hạn khác	37
9. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước cổ phần hóa	40
10. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	49
II. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA	52
1. Mục tiêu cổ phần hóa	52
2. Hình thức cổ phần hóa	52
3. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa	52
4. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa	53
5. Cơ cấu tổ chức, quản lý sau cổ phần hóa	53
6. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa	55
III. VỐN ĐIỀU LỆ, CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ	61
1. Vốn điều lệ	61
2. Cơ cấu vốn điều lệ	61
IV. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN	62
1. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đối với nhà đầu tư tham dự đấu giá	62
2. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đối với người lao động	63
V. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA	65
1. Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phần hóa	65
2. Chi phí cổ phần hóa dự kiến	65

VI.	RỦI RO DỰ KIẾN	67
1.	<i>Rủi ro kinh tế</i>	67
2.	<i>Rủi ro luật pháp</i>	67
3.	<i>Rủi ro đặc thù</i>	67
4.	<i>Rủi ro của đợt chào bán</i>	69
5.	<i>Rủi ro khác</i>	69
VII.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM	70
1.	<i>Ban chỉ đạo cổ phần hóa</i>	70
2.	<i>Tổ chức đấu giá</i>	70
3.	<i>Tổ chức tư vấn bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng</i>	70

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần	14
Bảng 2: Giá trị thực tế của SEAPRODEX và phần vốn Nhà nước tại thời điểm 30/6/2013	15
Bảng 3: Tài sản cố định theo giá trị đánh giá lại tại 30/6/2013	18
Bảng 4: Danh mục đất đai hiện SEAPRODEX đang sử dụng.....	20
Bảng 5: Danh mục một số máy móc thiết bị có giá trị lớn của Tổng Công ty theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại 30/6/2013	36
Bảng 6: Danh mục một số phương tiện vận tải có giá trị lớn của Tổng Công ty theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại 30/6/2013	36
Bảng 7: Các công ty con	37
Bảng 8: Các công ty liên kết	38
Bảng 9: Công ty liên doanh.....	38
Bảng 10: Các khoản đầu tư khác	39
Bảng 11: Cơ cấu sản lượng thủy sản theo đơn vị kinh doanh	40
Bảng 12: Cơ cấu sản lượng thủy sản theo sản phẩm.....	41
Bảng 13: Cơ cấu sản lượng sản phẩm theo thị trường.....	41
Bảng 14: Cơ cấu doanh thu thuần theo lĩnh vực hoạt động.....	42
Bảng 15: Cơ cấu chi phí	44
Bảng 16: Danh mục giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa trong nước.....	46
Bảng 17: Danh mục giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa nước ngoài	46
Bảng 18: Một số chỉ tiêu tài chính 3 năm trước cổ phần hóa.....	48
Bảng 19: <i>Các dự án đang đầu tư</i>	55
Bảng 20: Kế hoạch thoái vốn.....	57
Bảng 21: Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2015 – 2017	58
Bảng 22: Chi phí cổ phần hóa dự kiến	65

TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT ĐẤU GIÁ

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM



Tổ chức phát hành	:	Tổng Công Ty Thủy Sản Việt Nam
Vốn điều lệ	:	1.250.000.000.000 đồng
Số lượng cổ phần bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư	:	60.826.400 cổ phần, chiếm 48,66% vốn điều lệ
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phần
Loại cổ phần chào bán	:	cổ phần phổ thông
Giá khởi điểm	:	10.100 đồng/cổ phần
Số lượng giới hạn đối với mỗi nhà đầu tư trong nước	:	☐ tối thiểu: 100 cổ phần ☐ tối đa: 60.826.400 cổ phần
Số lượng giới hạn đối với mỗi nhà đầu tư nước ngoài	:	☐ tối thiểu: 100 cổ phần ☐ tối đa: 60.826.400 cổ phần
Số lượng đặt mua	:	Theo bội số 100
Bước giá	:	100 đồng (Một trăm đồng)
Đặt cọc	:	10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm bán đấu giá

THUẬT NGỮ VÀ VIẾT TẮT

BCTC	Báo cáo tài chính
Ban Tổng Giám Đốc	Ban Tổng Giám Đốc Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam
Bộ NN&PTNT	Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CBPG	Thuế chống bán phá giá
CPH	Cổ phần hóa
CSH	Chủ sở hữu
CTCP	Công ty cổ phần
DN	Doanh nghiệp
DOC	Bộ Thương mại Hoa Kỳ
ITC	Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ
KD	Kinh doanh
MTV	Một thành viên
NLĐ	Người lao động
NN	Nhà nước
SEAPRODEX	Tổng Công Ty Thủy Sản Việt Nam
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TCT	Tổng Công ty
TC-KT	Tài chính – Kế toán
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TP.HCM	Thành Phố Hồ Chí Minh
UBND	Ủy ban nhân dân
TSVN	Thủy sản Việt Nam
XK	Xuất Khẩu

I. GIỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

Năm 1978, Công ty Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản được thành lập, tiền thân của SEAPRODEX, với nhiệm vụ kinh tế là thống nhất các đầu mối, tập trung lực lượng đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản trong bối cảnh ngành thủy sản đang vận hành theo cơ chế hành chính bao cấp. Trải qua 36 năm phát triển, SEAPRODEX thay đổi mô hình hoạt động qua từng giai đoạn đổi mới đất nước. Năm 2001, TCT thực hiện chuyển đổi mô hình “Công ty mẹ – con” theo Quyết định số 243/QĐ/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Năm 2010, TCT chính thức được đổi tên thành Tổng Công Ty Thủy Sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV (SEAPRODEX). Vào ngày 14/3/2011, Tổng Công Ty Thủy Sản Việt Nam được thành lập lại theo quyết định số 456/QĐ-BNN-ĐMDN của Bộ Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn trên cơ sở hợp nhất 03 Tổng Công Ty ngành thủy hải sản là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – TNHH Một thành viên; Tổng Công ty Thủy sản Hạ Long – TNHH Một thành viên và Tổng Công ty Hải sản Biển Đông – TNHH Một thành viên, hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con với công ty mẹ là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

SEAPRODEX là công ty của Việt Nam đầu tiên đã đăng ký nhãn hiệu với Tổ chức thế giới về Quyền Sở hữu Trí tuệ OMPI - Geneve (Thụy Sĩ). Hiện nay thương hiệu SEAPRODEX đã được đăng ký bảo hộ tại EU, Mỹ, Châu Á và đã trở thành biểu tượng chất lượng cho sản phẩm thủy sản Việt Nam.

1. Thông tin chung

- Tên tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MTV
- Tên tiếng Anh: VIET NAM NATIONAL SEAPRODUCTS CORPORATION LIMITED
- Tên viết tắt: SEAPRODEX CO., LTD.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TPHCM
- Điện thoại: (+84-8) 3829 7214 – 3829 1924
- Fax: (+84-8) 3829 0146
- Website: www.seaprodex.vn
- Giấy CNĐKKD số 0310745210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/03/2011
- Vốn điều lệ: 839.030.527.000 đồng (*Tám trăm ba mươi chín tỷ, không trăm ba mươi triệu, năm trăm hai mươi bảy ngàn đồng*)



- Logo:

2. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 0310745210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp ngày 31/3/2011, SEAPRODEX có đăng ký các ngành nghề kinh doanh sau đây:

- Khai thác và nuôi trồng thủy sản biển; thủy sản nội địa;
- Sản xuất giống thủy sản; dầu, mỡ động vật, mỡ thực vật; thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; rượu vang; bia và mạch nha ủ men bia; đồ uống không cồn, nước khoáng; sản phẩm từ plastic;
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; đóng tàu và cấu kiện nổi; sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải;
- Xây dựng; bán buôn; bán lẻ thực phẩm, đồ uống, nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; kinh doanh bất động sản; tư vấn đầu thầu; quảng cáo; nghiên cứu thị trường; thiết kế phương tiện thủy nội địa; cung ứng và quản lý nguồn lao động; đại lý du lịch; dạy nghề; tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý); dịch vụ hậu cần nghề cá;
- Vận tải hàng hóa, hành khách; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; bốc xếp; dịch vụ lưu trú; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động

Trong đó, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty gồm:

- Sản xuất chế biến thủy sản phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản;
- Dịch vụ hậu cần nghề cá;
- Cơ khí đóng tàu thủy sản;
- Kinh doanh thủy sản nội địa.

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

3.1 Ngành nghề kinh doanh chính:

TT	Loại sản phẩm	Mô tả/đặc điểm
I CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU		
1	Tôm sú Tôm thẻ chân trắng Tôm càng xanh Tôm sắt 	■ Loại sản phẩm: tôm nguyên con, tôm vỏ bỏ đầu, tôm lột vỏ còn chừa đuôi, tôm thịt rút chỉ lưng, tôm thịt không rút chỉ lưng, tôm hấp Sushi, tôm bóp dấm Nobashi, tôm luộc (hấp). ■ <u>Quy cách:</u> + Tôm nguyên con: Đóng rời IQF 10kgx1PE/Cartron; Đóng Semi-IQF 500gr/hộp x10/CTN hoặc 01kg/hộpx6/CTN hoặc tùy theo hợp đồng và yêu cầu của khách hàng. + Các loại sản phẩm khác: áp dụng quy cách đóng dạng Block, trọng lượng 1,8/block; đóng gói 6 blocks/CTN hoặc áp dụng quy cách đóng rời khi có yêu cầu. ■ Cơ cấu theo kích cỡ: ■ Tôm nguyên con: 20, 25, 30 con/kg hoặc 6-8,8-12,13-15 con/pound.

TT	Loại sản phẩm	Mô tả/đặc điểm
	 	- Các loại sản phẩm khác: phân cỡ theo pound theo yêu cầu khách hàng. - Nguồn nguyên liệu chính: + Tôm sú: Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng... + Tôm thẻ chân trắng: Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế, Bình Thuận... + Tôm càng xanh: Long An, Bến Tre, Đồng Tháp... - Thị trường xuất khẩu chính: Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Châu Á, Úc.
2	Mực Nang Mực Ống Mực Lá Mực Nút 	- Sản phẩm: mực nguyên con làm sạch, mực fillet làm sạch bỏ nội tạng, mực cắt khoanh, mực cắt trái thông, đầu mực làm sạch. <u>Quy cách:</u> + Mực nguyên con làm sạch: Đông rời IQF 10kgx1PE/CTN hoặc 1kg/PEx12/CTN; Đông Semi-IQF 500gr/khayx20/CTN. + Khác (size cỡ nhỏ) quy cách 1,6-2,0kg/block, đóng gói 6 blocks/CTN hoặc theo yêu cầu khách hàng. - Kích cỡ: cỡ lớn 8-12 con/kg; 4-6 con/kg; cỡ nhỏ 10-20 con/kg, 20-40 con/kg, 40-60 con/kg. - Nguồn nguyên liệu chính: Phan Thiết, Khánh Hòa, Kiên Giang, Vũng Tàu - Thị trường xuất khẩu chính: Nhật Bản, Hàn Quốc, Ý, Tây Ban Nha
3	Cá tra Pangasius   	
	Cá chẽm phi lê Barramundi Fillet 	Cá hường Red Mullet 

TT	Loại sản phẩm	Mô tả/đặc điểm
	Cá đực Sillago Butterfly 	Cá thu Mackerel Fillet 
	Cá kiếm Swordfish Steak 	Cá lười trâu Solefish 
	Cá hổ Frozen Cut Hairtail Fish  	
	- Sản phẩm từ Cá: cá nguyên con làm sạch bỏ nội tạng, cá nguyên con làm sạch, cá fillet, cá cắt khúc, chả cá <u>Quy cách sản phẩm:</u> - Đối với cá nguyên con: phần lớn theo quy cách đông rời IQF 1con/PEx10/CTN, đôi khi sử dụng túi hút chân không - Đối với cá fillet: áp dụng quy cách đông Block IWP 5kg/BLx2/CTN hoặc theo yêu cầu khách hàng. <u>Kích cỡ:</u> - Đối với cá nguyên con: phân cỡ theo kg hoặc ounce (1oz = 28,35gr/miếng) tùy theo yêu cầu khách hàng - Đối với cá fillet: phân cỡ theo gram 60-120g/miếng, 120-170 g/miếng, 170-220 g/miếng, >220 g/miếng, hoặc 3-5, 5-7, 7-9, 9-11, 11-13, 13-15, 15-17, 17-19, 19-21, 21-23, 23-25 oz/miếng - Nguồn nguyên liệu chính: Cà Mau, Kiên Giang, Vũng Tàu, Bình Thuận, Tiền Giang, Đồng Tháp, Quảng Bình, Quy Nhơn, Quảng Ngãi, Khánh Hòa. - Thị trường xuất khẩu: Châu Âu, Nhật Bản, Mỹ, Hà Lan, Trung Quốc, Tây Ban Nha, Hàn Quốc.	
4	Nghêu Whole White Clam	- Sản phẩm: Nghêu nguyên con thành phẩm - Quy cách: Hấp rời 85%, Hấp hút chân không 15% - Cơ cấu theo loại sản phẩm: Nghêu trắng 70%-75%; Nghêu nâu (tím) 25%-30% - Cơ cấu theo kích cỡ: loại 60-80 con/kg chiếm 60%-65%;

TT	Loại sản phẩm	Mô tả/đặc điểm
		loại 40-60 con/kg chiếm 35%-40% Thị trường xuất khẩu chính: Châu Âu và Mỹ.

II NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

1	Cá tầm 	- Dự án đầu tư và xây dựng nuôi cá tầm thương phẩm được triển khai từ tháng 6/2012. - Địa điểm nuôi trồng: Hồ thủy lợi Kala, xã Bảo Thuận, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. - Phân phối: cung cấp sản phẩm theo số lượng yêu cầu (đơn đặt hàng) và giao hàng trực tiếp (nhà hàng, khách sạn, vựa cá, khách lẻ), phương thức thanh toán trả tiền ngay hoặc trả chậm 10 ngày, không có chiết khấu. Hiện nay, chỉ có siêu thị AONE mới khai trương là đơn vị duy nhất trong các khách hàng có thực hiện hình thức chiết khấu theo chương trình bán hàng (0,5% cho Thẻ hội viên; 1,5% chi phí quảng cáo).
---	--	--

III DỊCH VỤ HẬU CẦN NGÀNH CÁ

1	Sản xuất nước đá cây phục vụ khai thác hải sản	TCT có 2 cảng cá nằm trong quy hoạch hệ thống cảng cá, bến cá đến năm 2020 định hướng 2030 của Chính Phủ gồm 01 Cảng cá Cát Lở - Vũng Tàu và 01 Cảng cá Đá Tây Trường Sa. Tổng công suất thiết kế tiếp nhận 365 lượt tàu/ngày và 108.000 tấn thủy sản/năm.
2	Dịch vụ hậu cần nghề cá: dịch vụ cầu cảng, cung cấp điện nước	Tại Cảng cá Cát Lở - Vũng Tàu được cơ khí hóa toàn bộ quy trình bốc xếp, cung cấp hàng hóa tại Cảng, cơ sở chợ cá, trạm cung cấp dầu, nước, điện. Cảng có khả năng tiếp nhận tàu có công suất đến 1.000CV trọng tải 5.000 tấn.
3	Cho thuê nhà xưởng, mặt bằng	- TCT có đội tàu công ích làm dịch vụ hậu cần trên biển gồm 8 chiếc, chiều dài 16,5m-25,5m, công suất máy 330-420 mã lực. - Năng lực dịch vụ hậu cần trên biển là 500 lượt tàu cá, cung cấp 2.000 tấn dầu, 600m³ nước, thu mua 2.000 tấn hải sản cho ngư dân.

IV CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU

1	Đóng mới và sửa chữa tàu thuyền	02 cơ sở đóng tàu thuộc Công ty con CTCP Cơ Khí Đóng Tàu Hạ Long và CTCP Cơ Khí Đóng Tàu Thủy Sản
---	--	---

TT	Loại sản phẩm	Mô tả/đặc điểm
		Việt Nam được trang bị đồng bộ cơ khí chuyên dụng.
		Năng lực: đóng mới và sửa chữa tàu hàng có sức chở đến 6.000 tấn, chiều dài 50m; tàu cá và tàu dịch vụ thủy sản vỏ thép, vỏ gỗ, vỏ composite có công suất đến 1.500CV, chiều dài 34m.
2	Sản xuất, chế tạo thiết bị phụ trợ cho ngành đóng tàu thủy sản	Thiết bị phụ trợ: Hệ trục chân vịt, máy lái thủy lực, thiết bị câu cá ngư đại dương, thiết bị neo và các thiết bị bảo quản, chế biến thủy sản gồm kho lạnh thủy sản, cấp đông IQF, tủ đông gió, máy nước đá vảy, hệ thống lạnh tàu cá.

3.2 Ngành nghề kinh doanh có liên quan

TT	Loại dịch vụ	Mô tả/đặc điểm
1	Kinh doanh nhập khẩu	- Là hoạt động kinh doanh chính tại Seaprodex Miền Trung, Seaprodex Hà Nội, Chi nhánh XNK Công ty mẹ. - Mặt hàng nhập khẩu chính: Vật tư hàng hóa, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất trong nước, thép cán nóng dạng cuộn.
2	Dịch vụ văn phòng	Kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng, mặt bằng tại 10 cơ sở nhà đất của TCT.
4	Cho thuê kho, bãi, cầu cảng	Là hoạt động kinh doanh chính của Chi nhánh Seaprodex Hải Phòng.
5	Kinh doanh thương mại và sản xuất công nghiệp khác	- Sản xuất và gia công thức ăn gia súc. - Sản xuất giấy xuất khẩu. - Kinh doanh thương mại. - Xuất khẩu lao động.

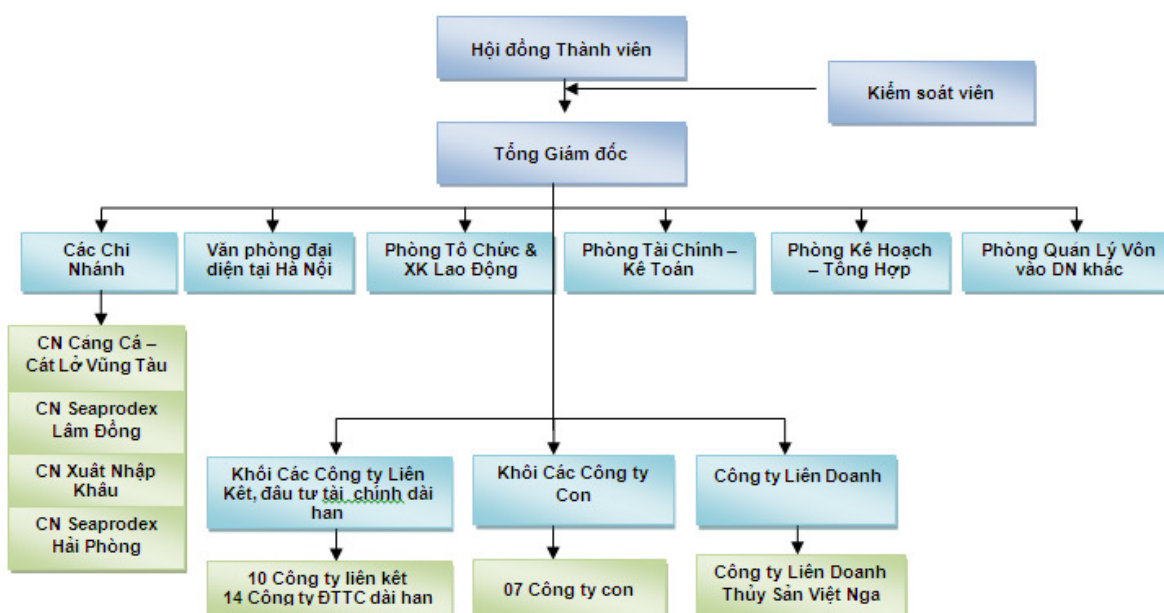
4. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của SEAPRODEX gồm:

- Hội đồng thành viên: 3 thành viên
- Ban Tổng Giám đốc: 1 Tổng Giám đốc và 4 Phó Tổng Giám đốc
- Kiểm soát viên: 2 thành viên

- 4 Phòng ban chức năng: gồm Phòng Tổ chức và Xuất Khẩu Lao động, Phòng Tài chính – Kế toán, Phòng Kế hoạch – Tổng hợp, Phòng Quản lý vốn vào doanh nghiệp khác
- 4 Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty
- 3 Khối phụ trách đơn vị thành viên gồm: 10 Công ty liên kết, 7 Công ty con và 1 Công ty liên doanh
- 1 Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Hình 1: Cơ cấu tổ chức Công ty mẹ - Tổng Công ty Seaprodex



Các đơn vị trực thuộc

- *Chi nhánh Xuất Nhập Khẩu*
 Năm thành lập lại: 2011
 Trụ sở: số 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
 Lĩnh vực hoạt động chính: xuất khẩu thủy sản và nhập khẩu vật tư, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất trong nước.
- *Chi nhánh Seaprodex Hải Phòng*
 Năm thành lập lại: 2011
 Trụ sở: Ngõ 173 Đường Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
 Lĩnh vực hoạt động chính: Chế biến và gia công chế biến thủy sản mặt hàng cá phi lê, chả cá, ngêu hấp nguyên con và một số sản phẩm phụ khác. Cho thuê kho, bãi, cầu cảng.
 Diễn giải hoạt động khác có liên quan: Chi nhánh Seaprodex Hải Phòng tạm thời nhận bàn giao toàn bộ tài sản từ một đơn vị trực thuộc khác của TCT là Trung tâm dạy nghề Thủy Sản Việt Nam từ ngày 5/3/2014, thực hiện theo Quyết định giải thể Trung tâm số 363/QĐ-TSVN-HĐTV ngày 19/12/2013 của TCT.
- *Chi nhánh Cảng Cá Cát Lở Vũng Tàu*

Năm thành lập lại: 2011

Trụ sở: 1007/34 Đường 30/4, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Lĩnh vực hoạt động: sản xuất sản phẩm nước đá cây phục vụ khai thác hải sản; kinh doanh dịch vụ hậu cần nghề cá; kinh doanh khai thác tài sản cố định.

Diễn giải hoạt động khác có liên quan: TCT đang chờ Bộ NNPTNT quyết định chuyển giao Chi nhánh Cảng Cá Cát Lở Vũng Tàu vào Công ty TNHH MTV DVKT Hải Sản Biển Đông (Công ty con) và chuyển giao Công ty TNHH MTV DVKT Hải Sản Biển Đông cho Bộ NNPTNT trong năm 2014 theo Công văn số 1411/VPCP-ĐMDN ngày 5/3/2014 của Văn phòng Chính phủ. Ngày 09/6/2014, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có Tờ trình số 1835/TTr-BNN-QLDN trình Thủ tướng Chính phủ về việc xin chủ trương thành Trung tâm Dịch vụ hậu cần nghề cá biển và hoạt động Kiểm ngư trên cơ sở hợp nhất và tổ chức lại Công ty TNHH MTV Thủy sản Hạ Long, Công ty TNHH MTV Khai thác Hải sản Biển Đông và Chi nhánh Cát Lở.

- *Chi nhánh Seaprodex Lâm Đồng*

Năm thành lập: 2012

Trụ sở: Thôn Kờ Nét, Xã Bảo Thuận, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng

Lĩnh vực hoạt động: Nuôi trồng và khai thác cá tầm.

5. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Tổng Công ty có 105 lao động sẽ tiếp tục làm việc và chuyển sang công ty cổ phần sau khi SEAPRODEX cổ phần hóa, kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 1: Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

TT	Đối tượng người lao động	Số lượng
1	Tổng số lao động	105
2	Phân theo trình độ lao động	
	Đại học và trên đại học	75
	Trung cấp	5
	Phổ thông	8
	Công nhân, sơ cấp	17
3	Phân theo hợp đồng lao động	
	Không thuộc đối tượng ký HĐLĐ	11
	HĐLĐ không thời hạn	70
	HĐLĐ từ 1 đến 3 năm	24

Nguồn: SEAPRODEX

6. Giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước

Căn cứ Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp do Công ty TNHH Kiểm Toán và Kế toán Hà Nội thực hiện và Quyết định số 743/QĐ-BNN-QLDN ngày 14/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên để cổ phần hóa, tại thời điểm 30/6/2013, giá trị thực tế của SEAPRODEX và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại TCT như sau:

- Giá trị thực tế của SEAPRODEX là **1.480.398.373.881 đồng**
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại SEAPRODEX là **1.368.088.939.805 đồng** Tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (theo giá trị ghi trên sổ kế toán):
 - Tài sản không cần dùng: 23.274.192.632 VNĐ
 - Tài sản cố định chờ thanh lý: 16.580.210 VNĐ.
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước của Công ty mẹ SEAPRODEX đã bao gồm khoản tăng vốn Nhà nước đối với số lượng cổ phiếu do Công ty mẹ nhận thêm mà không phải trả tiền, là giá trị đầu tư đối với 1.169.400 cổ phiếu thưởng của CTCP Cơ Khí Đóng Tàu Thủy Sản Việt Nam (Công ty con), tương ứng số tiền là 11.690.000.000 VNĐ.
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước của Công ty mẹ SEAPRODEX đã bao gồm khoản tăng vốn Nhà nước đối với số lượng cổ phiếu do Công ty mẹ nhận thêm mà không phải trả tiền, là giá trị đầu tư dài hạn đối với 13.126.734 cổ phiếu thưởng và cổ phiếu cổ tức của 5 Khoản đầu tư dài hạn vào 5 Công ty: Công ty CP Biển Tây; Công ty CP Kỹ nghệ lạnh; Công ty CP Thủy sản 1; Công ty CP Việt Pháp SX Thức ăn Gia súc; Công ty CP Thủy sản Minh Hải, tương ứng số tiền là 131.267.340.000 VNĐ.
- Đối với giá trị còn lại của tài sản không cần dùng loại ra khỏi giá trị doanh nghiệp là 23.274.192.632 VNĐ, trong đó có:
 - Tài sản cố định tại Trung tâm dạy nghề Thủy sản Việt Nam (nguyên giá: 4.637.992.988 VNĐ, giá trị còn lại: 3.701.247.736 VNĐ, tỷ lệ còn lại: 79,8% nguyên giá), đến ngày 31/12/2013, Trung tâm đã giải thể và đang bàn giao cho Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng doanh nghiệp.
 - Khoản nợ phải thu của Công ty Cổ phần Công Nghiệp Thủy Sản đã phát sinh trên 3 năm (trị giá 18.740.000.000 VNĐ) không có khả năng thu hồi và đang bàn giao cho Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng doanh nghiệp.

Bảng 2: Giá trị thực tế của SEAPRODEX và phần vốn Nhà nước tại thời điểm 30/6/2013

Đơn vị tính: đồng

TT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LIỆU KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4	5 = 4 – 3
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG	947.342.977.332	1.480.398.373.881	533.055.396.550

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM (SEAPRODEX)



TT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LIỆU KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	494.225.935.693	991.830.091.568	497.604.155.875
1	Tài sản cố định	18.181.225.479	32.555.041.647	14.373.816.168
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	516.211.592.999	915.832.726.324	399.621.133.325
3	Chi phí XD CB dở dang	26.493.719.842	26.493.719.842	-
4	Các khoản ký quỹ, ký cọc dài hạn	-	-	-
5	Chi phí trả trước dài hạn	12.438.603.755	12.438.603.755	-
6	Tài sản thuế Thu nhập hoãn lại	4.510.000.000	4.510.000.000	-
7	Tài sản dài hạn khác	-	-	-
8	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
9	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(83.609.206.382)	-	83.609.206.382
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	453.117.041.639	474.907.920.952	21.790.879.313
1	Tiền	291.296.115.540	291.317.747.933	21.632.393
+	<i>Tiền mặt tồn quỹ</i>	<i>135.650.807</i>	<i>135.653.200</i>	<i>2.393</i>
+	<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>291.160.464.733</i>	<i>291.182.094.733</i>	<i>21.630.000</i>
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	61.996.793.334	61.996.793.334	-
3	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
4	Các khoản phải thu	113.934.091.521	113.934.091.521	-
5	Dự phòng phải thu khó đòi	(21.996.593.090)	-	21.996.593.090
6	Vật tư, hàng hoá tồn kho	6.151.313.437	5.923.967.267	(227.346.170)
7	Tài sản lưu động khác	1.735.320.897	1.735.320.897	-
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	-	-
IV	Giá trị quyền sử dụng đất	-	13.660.361.362	13.660.361.362
B	TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	23.274.192.632	23.274.192.632	-
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	4.075.559.370	4.075.559.370	-
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	19.198.633.262	19.198.633.262	-
1	Công nợ, tài sản thiếu chờ xử lý không có khả năng thu hồi	19.198.633.262	19.198.633.262	-
C	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	16.580.210	16.580.210	-
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	16.580.210	16.580.210	-
1	Tài sản cố định	16.580.210	16.580.210	-
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	-	-	-

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM (SEAPRODEX)



TT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LIỆU KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	Vật tư, hàng hoá ứ đọng, kém phẩm chất	-	-	-
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ PHÚC LỢI, KHEN THƯỞNG	-	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+B+C+D)	970.633.750.174	1.503.689.146.723	533.055.396.550
	Trong đó: TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DN (MỤC A)	947.342.977.332	1.480.398.373.881	533.055.396.550
	NỢ THỰC TẾ PHẢI TRẢ	112.309.434.076	112.309.434.076	-
E1	Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	-	-	-
E2	NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP	-	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-<E1+E2>]	835.033.543.256	1.368.088.939.805	533.055.396.550

Nguồn: Trích biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của SEAPRODEX

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẦU GIÁ CÓ PHẦN LẦN ĐẦU
TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM (SEAPRODEX)



7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

7.1. Tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán và đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (0 giờ ngày 30/06/2013) như sau:

Bảng 3: Tài sản cố định theo giá trị đánh giá lại tại 30/6/2013

Đơn vị tính: đồng

STT	Loại tài sản	Giá trị sổ sách		Giá trị đánh giá lại		Chênh lệch	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5	6	7 = 5 - 3	8 = 6 - 4
A	TSCĐ ĐANG DÙNG	48.858.981.112	18.181.225.479	96.343.861.661	46.215.403.009	47.484.880.549	28.034.177.530
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	36.301.901.105	13.221.613.117	69.930.328.940	26.439.720.314	33.628.427.835	13.218.107.197
2	Máy móc, thiết bị	7.811.643.037	2.204.431.678	7.811.643.037	3.103.874.035	-	899.442.358
3	Phương tiện vận tải	4.146.204.051	2.395.483.134	4.342.295.403	2.618.243.125	196.091.352	222.759.991
4	Thiết bị dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	304.836.919	76.535.966	304.836.919	110.042.588	-	33.506.622
5	Tài sản cố định vô hình	294.396.000	283.161.584	294.396.000	283.161.584	-	-
6	Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	13.660.361.362	13.660.361.362	13.660.361.362	13.660.361.362
B	TSCĐ KHÔNG CẦN DÙNG	7.841.851.015	4.075.559.370	7.841.851.015	4.075.559.370	-	-
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	4.837.198.988	3.739.798.736	4.837.198.988	3.739.798.736	-	-
2	Máy móc, thiết bị	2.179.325.135	286.334.171	2.179.325.135	286.334.171	-	-
3	Phương tiện vận tải	793.226.892	49.426.463	793.226.892	49.426.463	-	-

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẦU GIÁ CỐ PHẦN LẦN ĐẦU
TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM (SEAPRODEX)



Đơn vị tính: đồng

STT	Loại tài sản	Giá trị sổ sách		Giá trị đánh giá lại		Chênh lệch	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	32.100.000	-	32.100.000	-	-	-
C	TSCĐ CHỜ THANH LÝ	1.102.629.826	16.580.210	1.102.629.826	16.580.210	-	-
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-	-	-	-
2	Máy móc, thiết bị	91.175.000	16.580.210	91.175.000	16.580.210	-	-
3	Phong tiện vận tải	1.011.454.826	-	1.011.454.826	-	-	-
4	Thiết bị dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	-	-	-	-	-	-
D	TSCĐ HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, QUỸ PHÚC LỢI	-	-	-	-	-	-
	TỔNG CỘNG	57.803.461.953	22.273.365.059	105.288.342.502	50.307.542.589	47.484.880.549	28.034.177.530

Nguồn: Bảng tổng hợp tài sản cố định tại thời điểm 30/06/2013 của Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp của SEAPRODEX

7.2. Đất đai

Hiện nay, Tổng Công ty đang quản lý, sử dụng 878.517,40 m² đất tại 5 tỉnh, thành phố trên cả nước. Trong đó có 8 đơn vị tại TP.HCM, 3 đơn vị tại Thành phố Vũng Tàu, 1 đơn vị tại Thành phố Hà Nội, 4 đơn vị tại tỉnh Bình Dương và 3 đơn vị tại Thành phố Hải Phòng. Các đất đai của Tổng Công ty được chia thành 2 nhóm như sau:

- Nhóm cơ sở nhà đất TCT có nhu cầu sử dụng sau khi cổ phần hóa: 797.219,40 m², gồm:
 - 24.507,2 m² đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thuê đất dài hạn trả tiền thuê hàng năm)
 - 3.172 m² có hợp đồng thuê đất ngắn hạn trả tiền hàng năm (số 4 Đồng Khởi và số 7 Nơ Trang Long).
 - 30.015 m² đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng thuê đất trả tiền một lần

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẦU GIÁ CỎ PHẦN LẦN ĐẦU
TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM (SEAPRODEX)

- 83,2 m² (26/1A Lê Thánh Tôn) đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng thuê đất; Đang triển khai bán đầu giá theo phương án đã được phê duyệt tại Văn bản số 2681/UBND-TM ngày 08/06/2010 của UBND TP.HCM về Phương án xử lý tổng thể nhà đất của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam theo QĐ 09/2007/QĐ-TTg: "Bán đầu giá nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất nếu phù hợp quy hoạch của Thành phố" và Văn bản số 5549/UBND-TM ngày 30/10/2012 của UBND TP.HCM về triển khai thủ tục bán đầu giá nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
- 739.442 m² (tại Cỏ May, Thị xã Bà Rịa) chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng thuê đất nhưng đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chấp thuận chủ trương cho phép đầu tư xây dựng dự án mới trên toàn bộ diện tích đất.

■ Nhóm cơ sở nhà đất TCT không có nhu cầu sử dụng sau khi cổ phần hóa: 81.298 m²

Cụ thể như sau:

Bảng 4: Danh mục đất đai hiện SEAPRODEX đang sử dụng

Stt	Địa chỉ khu đất	Diện tích theo bản đồ hiện trạng sử dụng (m ²)	Hồ sơ pháp lý liên quan đến phương án sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng nhà, đất và triển khai phương án sử dụng đất	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hoá – Hình thức và mục đích sử dụng	Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị DN tại 30/6/2013
I	Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích 9.354,40 m²					
1	Số 2-4-6 Đồng Khởi và 21 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, quận 1.	1.892,0 Trong đó, số 21 Ngõ Đức Kế (diện tích 380 m ²) hợp khối với nhà 2-4-6 Đồng	- Văn bản số 456/UBND-ĐTMT ngày 21/01/2010 của UBND Thành phố v/v Chấp thuận phương án liên doanh, liên kết đầu tư dự án xây dựng Tổ hợp công trình khách sạn, văn phòng làm việc. - Văn bản số 687/TTg-KTN ngày 28/04/2010 của Thủ tướng Chính Phủ v/v "đồng ý về nguyên tắc thực hiện thủ tục bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo	- Văn phòng Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam. - Đang thực hiện thủ tục pháp lý xác định giá trị QSDĐ theo giá thị trường và xin giao đất đóng tiền sử dụng đất một lần. - Chuẩn bị các thủ tục pháp lý xin giấy phép đầu	Đang hoàn chỉnh pháp lý quyền sử dụng đất.- Tiếp tục sử dụng để liên doanh, liên kết đầu tư xây dựng dự án theo quy hoạch của thành phố.	-

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẦU GIÁ CỐ PHẦN LẦN ĐẦU

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM (SEAPRODEX)



Stt	Địa chỉ khu đất	Diện tích theo bản đồ hiện trạng sử dụng (m ²)	Hồ sơ pháp lý liên quan đến phương án sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng nhà, đất và triển khai phương án sử dụng đất	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hoá – Hình thức và mục đích sử dụng	Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị DN tại 30/6/2013
		Khởi	giá thị trường nhằm hợp khối với số 21 Ngõ Đức Kế để đầu tư xây dựng theo quy hoạch của thành phố”. - Văn bản số 6954/BTC-QLCS ngày 01/06/2010 của Bộ Tài chính v/v Xác định giá tài sản trên đất và giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo thực tế thị trường cho Tổng công ty Thủy sản Việt nam. - Văn bản số 2543/UBND-ĐMTM ngày 01/06/2010 của UBND Thành phố về chủ trương xử lý nhà đất 2-4-6 Đồng Khởi theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 687/TTg-KTN. - Văn bản số 2681/UBND-TM ngày 08/06/2010 của UBND TP.HCM về Phương án xử lý tổng thể nhà đất của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam theo QĐ 09/2007/QĐ-TTg: “Thực hiện thủ tục bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giá thị trường nhằm hợp khối với số 21 Ngõ Đức Kế (thuộc tài sản cố định của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam)	tư để xây dựng tổ hợp Trung tâm thương mại, văn phòng làm việc phù hợp với quy hoạch của địa phương.		

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẦU GIÁ CỐ PHẦN LẦN ĐẦU

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM (SEAPRODEX)



Stt	Địa chỉ khu đất	Diện tích theo bản đồ hiện trạng sử dụng (m ²)	Hồ sơ pháp lý liên quan đến phương án sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng nhà, đất và triển khai phương án sử dụng đất	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hoá – Hình thức và mục đích sử dụng	Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị DN tại 30/6/2013
2	Số 22-24-26 Mạc Thị Bưởi, phường Bến Nghé, quận 1.	277,8	để đầu tư xây dựng theo quy hoạch của thành phố”. - Văn bản số 2681/UBND-TM ngày 08/06/2010 của UBND TP.HCM về Phương án xử lý tổng thể nhà đất của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam theo QĐ 09/2007/QĐ-TTg: “Tiếp tục sử dụng theo quy hoạch của Thành phố”. - Hợp đồng thuê đất 50 năm trả tiền thuê hàng năm số 3763/HĐTĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 04/05/2006 (tên TCTy Hải sản Biển Đông) với Sở TN&MT thành phố Hồ Chí Minh. - Phụ lục hợp đồng thuê đất số 6022/PLHĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 16/09/2013 giữa TCTy Thủy sản Việt Nam – Cty TNHH MTV với Sở TN&MT TP.HCM. - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 625040 ngày 14/03/2014 của UBND Tp. HCM cấp cho Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên.	- Đã hoàn thành đầu tư xây dựng công trình Văn phòng Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam. - Tổng công ty sử dụng làm văn phòng làm việc cho công ty mẹ và một số đơn vị thành viên.	- Thuê đất 50 năm trả tiền hàng năm. - Sử dụng làm văn phòng làm việc của Tổng Công ty và một số đơn vị thành viên.	-

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẦU GIÁ CỐ PHẦN LẦN ĐẦU

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM (SEAPRODEX)



Stt	Địa chỉ khu đất	Diện tích theo bản đồ hiện trạng sử dụng (m ²)	Hồ sơ pháp lý liên quan đến phương án sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng nhà, đất và triển khai phương án sử dụng đất	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hoá – Hình thức và mục đích sử dụng	Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị DN tại 30/6/2013
3	Số 211 Nguyễn Thái Học, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1	243,4	- Văn bản số 2681/UBND-TM ngày 08/06/2010 của UBND TP.HCM về Phương án xử lý tổng thể nhà đất của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam theo QĐ 09/2007/QĐ-TTg: “Tiếp tục sử dụng theo quy hoạch của Thành phố”. - Hợp đồng thuê đất 50 năm trả tiền thuê hàng năm số 1442/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 12/03/2014 giữa Sở TN&MT TP.HCM và TCTy Thủy sản Việt Nam. - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 702738 do UBND thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/03/2014.	Hiện đang triển khai dự án đầu tư xây dựng Khách sạn kết hợp dịch vụ thương mại phù hợp với quy hoạch của địa phương.	- Thuê đất 50 năm trả tiền hàng năm. - Đầu tư dự án lĩnh vực khách sạn, dịch vụ thương mại.	-
4	Số 115 Vườn Chuối, phường 4, quận 3 ⁽¹⁾	140,1	- Văn bản số 1046/BNVN-ĐMDN ngày 29/03/2013 của Bộ NN&PTNT v/v đồng ý Tổng công ty Thủy sản Việt Nam được tiếp tục sử dụng nhà đất 115 Vườn Chuối. - Quyết định số 2993/QĐ-UBND ngày 07/06/2013 của UBND TP.HCM v/v Chấp thuận cho Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên sử dụng đất tại số 115 Vườn Chuối, phường 4, quận 3 với	Tổng Công ty đang sử dụng để phục vụ hoạt động SXKD.	Tổng công ty sẽ chuyển giao cho Công ty TNHH MTV DVKT Hải Sản Biển Đông theo Thông báo số 2884/TB-BNN-QLDN ngày 18/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	-

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẦU GIÁ CỎ PHẦN LẦN ĐẦU

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM (SEAPRODEX)



Sтт	Địa chỉ khu đất	Diện tích theo bản đồ hiện trạng sử dụng (m ²)	Hồ sơ pháp lý liên quan đến phương án sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng nhà, đất và triển khai phương án sử dụng đất	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hoá – Hình thức và mục đích sử dụng	Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị DN tại 30/6/2013
			hình thức thuê đất 50 năm trả tiền thuê hàng năm. - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN794973 do UBND TPHCM cấp ngày 19/11/2013. - Hợp đồng thuê đất 50 năm số 7900/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 26/11/2013 với Sở Tài nguyên và Môi trường.			
5	7 Nơ Trang Long, phường 7, quận Bình Thạnh	1.280,0	- Giấy phép mua bán chuyển dịch nhà số 526/GP-MB7 ngày 27/04/1989 của Sở Nhà đất TP HCM cấp cho Xí nghiệp 26/6 trực thuộc Seaprodex. - Tờ khai chuyển dịch nộp lệ phí trước bạ ngày 04/08/1989. - Hợp đồng thuê đất hàng năm giữa Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên với Sở TN&MT TP.Hồ chí Minh số 4972/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 23/08/2012. - Giấy phép quy hoạch số 41/GPQH ngày	- Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn hạn. - UBND TP.HCM đã có Quyết định điều chỉnh khu đất số 7 Nơ Trang Long thuộc khu dân cư hiện hữu cải tạo kết hợp xây dựng mới. - Sở Quy hoạch kiến trúc Tp. HCM cấp Giấy phép quy hoạch đầu tư xây dựng khách sạn kết hợp	- Chuyển thuê đất ngắn hạn thành thuê dài hạn, trả tiền thuê đất hàng năm. - Triển khai dự án đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ phù hợp với quy hoạch của Thành phố.	-

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM (SEAPRODEX)



Stt	Địa chỉ khu đất	Diện tích theo bản đồ hiện trạng sử dụng (m ²)	Hồ sơ pháp lý liên quan đến phương án sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng nhà, đất và triển khai phương án sử dụng đất	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hoá – Hình thức và mục đích sử dụng	Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị DN tại 30/6/2013
6	97/6 Kinh Dương Vương (cũ: 449/1 Hùng Vương), phường 12, quận 6	541,9	- Văn bản số 2681/UBND-TM ngày 08/06/2010 của UBND TP.HCM về Phương án xử lý tổng thể nhà đất của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam theo QĐ 09/2007/QĐ-TTg: “Tiếp tục sử dụng theo quy hoạch của Thành phố” - Quyết định số 6490/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của UBND TPHCM cho Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên thuê dài hạn 50 năm trả tiền thuê hàng năm. - Hợp đồng thuê đất 50 năm số 1760/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 03/04/2013 với Sở TN&MT Thành phố Hồ Chí Minh.	với thương mại –dịch vụ. - Tổng Công ty hiện đang nộp hồ sơ pháp lý đến Sở Tài nguyên và Môi trường xin chuyển từ thuê đất ngắn hạn sang thuê đất dài hạn. - Làm kho hàng của Tổng công ty. - Đang triển khai thủ tục đầu tư xây dựng trung tâm phân phối dịch vụ thương mại phù hợp với quy hoạch của địa phương	Thuê đất 50 năm trả tiền hàng năm. - Đầu tư xây dựng trung tâm phân phối dịch vụ thương mại.	-

BÁN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẦU GIÁ CÓ PHẦN LẦN ĐẦU

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM (SEAPRODEX)

Stt	Địa chỉ khu đất	Diện tích theo bản đồ hiện trạng sử dụng (m ²)	Hồ sơ pháp lý liên quan đến phương án sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng nhà, đất và triển khai phương án sử dụng đất	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hoá – Hình thức và mục đích sử dụng	Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị DN tại 30/6/2013
7	26/1A Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1	83,2	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK676750 ngày 04/04/2013 do Sở TN&MT Thành phố Hồ Chí Minh cấp. - Giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà cho XN Thủy sản 26/6 trực thuộc Seaprodex số 3246/GP-CS ngày 04/08/1992 của Sở Nhà đất TP HCM. - Văn bản số 2681/UBND-TM ngày 08/06/2010 của UBND TP.HCM về Phương án xử lý tổng thể nhà đất của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam theo QĐ 09/2007/QĐ-TTg: “Bán đầu giá nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất nếu phù hợp quy hoạch của Thành phố” - Văn bản số 9424/STC-BCĐ09-CS ngày 01/10/2012 của Sở Tài chính TP.HCM v/v Đề nghị triển khai thủ tục bán đầu giá nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất. - Văn bản số 5549/UBND-TM ngày 30/10/2012 của UBND TP. HCM về triển khai thủ tục bán đầu giá nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng	- Hiện đang sử dụng vào sản xuất kinh doanh trong khi chờ thực hiện thủ tục bán đầu giá. - Tổng Công ty hiện đang triển khai thủ tục bán đầu giá theo phương án phê duyệt của Bộ Tài chính	Bán đầu giá nhà đất theo phê duyệt của các cơ quan chức năng có thẩm quyền theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg.	-

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẦU GIÁ CỐ PHẦN LẦN ĐẦU

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM (SEAPRODEX)

Stt	Địa chỉ khu đất	Diện tích theo bản đồ hiện trạng sử dụng (m ²)	Hồ sơ pháp lý liên quan đến phương án sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng nhà, đất và triển khai phương án sử dụng đất	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hoá – Hình thức và mục đích sử dụng	Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị DN tại 30/6/2013
8	74/6 Hương Lộ 14 (nay là Lũy Bán Bích), phường 3, quận 11, TP.HCM ⁽¹⁾	4.896,0	đất. - Văn bản số 11735/STC-BVG ngày 28/11/2012 của Sở Tài chính TP.HCM v/v cung cấp hồ sơ thẩm định giá đối với mặt bằng số 26/1A Lê Thánh Tôn. - Văn bản của Bộ Tài chính ngày 09/01/2013 Về hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý và triển khai thực hiện bán đấu giá nhà, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo phương án đã được duyệt. - Nhận bàn giao từ Công ty Phát triển công nghiệp In giấy bao bì thuộc Ban Tài chính Thành uỷ TP. HCM ngày 28/10/1992 bằng hình thức gán nợ. - Công ty Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chiếm dụng từ ngày 25/09/1998 đến nay. - Hiện đang giải quyết tranh chấp về chủ quyền sử dụng đất. - Văn phòng UBND Tp. Hồ Chí Minh, Ban CĐ09 (Sở Tài Chính), UBND Q.11 đang giải	Công ty Dịch vụ Du lịch Phú Thọ quản lý, sử dụng từ ngày 25/9/1998 đến nay.	- Tổng Công ty đề nghị đưa cơ sở nhà đất này ra khỏi danh sách xử lý nhà đất của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam theo Quyết định 09/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.	-

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẦU GIÁ CỎ PHẦN LẦN ĐẦU

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM (SEAPRODEX)



Stt	Địa chỉ khu đất	Diện tích theo bản đồ hiện trạng sử dụng (m ²)	Hồ sơ pháp lý liên quan đến phương án sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng nhà, đất và triển khai phương án sử dụng đất	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hoá – Hình thức và mục đích sử dụng	Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị DN tại 30/6/2013
			quyết theo các Công văn số 4870/VP-TM ngày 27/6/2012; Báo cáo số 193/BC-UBND (quận 11) ngày 13/9/2013; Công văn số 12598/STC-CS ngày 27/12/2012; Công văn số 964/VP-TM ngày 06/02/2013; Công văn số 2056/STS-BCĐ09-CS ngày 12/03/2013 với ý kiến giải quyết cuối cùng: “Đề nghị TCTy Thủy sản Việt Nam báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đưa cơ sở nhà đất này ra khỏi danh sách xử lý nhà đất theo Quyết định 09/2007/QĐ-TTg của TTg Chính phủ”.			
II	Thành phố Vũng Tàu, diện tích 803.032,30 m²					
1	78-80-82 Thùỵ Ván, phường 2, thành phố Vũng Tàu	1.040,4 Trong đó: -Giao đất: 455,5 -Thuê 50 năm: 584,9	- Giấy chứng nhận đầu tư số 49121000402 ngày 04/01/2013 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp cho TCT Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên để đầu tư, xây dựng: Khách sạn Blue Sapphire. - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 510676 do Sở TN&MT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp cho TCT Thủy sản Việt Nam – Công ty	Đang triển khai các thủ tục pháp lý để triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khách sạn Blue Sapphire theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49121000402 ngày 04/01/2013 của UBND tỉnh BR – VT.	Tổng công ty tiếp tục sử dụng 584,9 m ² và chuyển 455,5 m ² đất từ đất giao không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất 50 năm trả tiền thuê đất hàng năm để thực hiện Dự án xây dựng	-

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẦU GIÁ CỐ PHẦN LẦN ĐẦU

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM (SEAPRODEX)



Sтт	Địa chỉ khu đất	Diện tích theo bản đồ hiện trạng sử dụng (m ²)	Hồ sơ pháp lý liên quan đến phương án sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng nhà, đất và triển khai phương án sử dụng đất	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hoá – Hình thức và mục đích sử dụng	Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị DN tại 30/6/2013
			TNHH một thành viên theo hình thức nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất 455,5 m². - Quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu v/v cho Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên thuê đất (584,9 m2) 50 năm trả tiền thuê đất hàng năm để đầu tư, xây dựng: Khách sạn Blue Sapphire.		Khách sạn Du lịch Blue Sapphire.	
2	Khu đất dưới chân cầu Cỏ May, Khu phố 5, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa	739.442,0	- Quyết định số 23/QĐ-HĐQT-TCCX-LĐ ngày 12/05/2003 của HĐQT TCT TSVN (cũ) V/v chuyển giao XNLD Nuôi tôm Cỏ May cho TT XK. - Quyết định số 27QĐ/HĐQT-TCCX-LĐ ngày 30/05/2003 của HĐQT TCT TSVN (cũ) V/v đổi tên XNLD Nuôi tôm Cỏ May thành cơ sở thực nghiệm nuôi, SX giống và thức ăn Thủy sản Cỏ May. - Quyết định số 8245/QĐ-UB ngày 29/10/2004 của UBND tỉnh BR – VT v/v thu hồi 73,9442 ha	- Trại nuôi trồng thủy sản. - Tổng Công ty hiện đang triển khai các thủ tục pháp lý xin đầu tư xây dựng để phục vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị phù hợp với quy hoạch của địa phương. Văn bản số 4434/UBND-VP ngày 27/6/2014 của UBND Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu về việc đồng ý cho	Tiếp tục phối hợp với CTCP Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim thực hiện các thủ tục pháp lý để triển khai dự án xây dựng khu du lịch sinh thái và siêu thị ẩm thực thủy sản	-

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẦU GIÁ CỎ PHẦN LẦN ĐẦU

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM (SEAPRODEX)



Stt	Địa chỉ khu đất	Diện tích theo bản đồ hiện trạng sử dụng (m ²)	Hồ sơ pháp lý liên quan đến phương án sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng nhà, đất và triển khai phương án sử dụng đất	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hoá – Hình thức và mục đích sử dụng	Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị DN tại 30/6/2013
			đất nuôi trồng thủy sản tại chân cầu Cỏ May, phường Phước Trung, thị xã Bà Rịa - Văn bản số 2050/BNN-ĐMDN ngày 13/07/2009 của Bộ NN&PTNT đề nghị UBND tỉnh BR-VT ủng hộ, không thu hồi và tiếp tục giao khu đất tại chân cầu Cỏ May cho TCT TSVN để lập dự án đầu tư phát triển khu du lịch sinh thái, phù hợp với qui hoạch của địa phương. - Văn bản số 3717/UBND-VP ngày 04/6/2013 của UBND tỉnh BR – VT v/v thu hồi 73,9442 ha đất tại chân cầu Cỏ May, phường Phước Trung, thị xã Bà Rịa.	TCT Thủy Sản Việt Nam và CTCP Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim nghiên cứu lập dự án đầu tư		
3	Cảng cá Cát Lở 1007 đường 30/4, phường 11, Thành phố Vũng Tàu ⁽¹⁾	62.549,9	- Quyết định số 3434/QĐ-UB ngày 26/04/2001 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tổng công ty Hải sản Biển Đông thuê dài hạn 50 năm trả tiền thuê hàng năm để kinh doanh, khai thác cảng cá Cát Lở. - Quyết định số 5190/QĐ-UB ngày 02/07/2001 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu v/v cấp	Kinh doanh khai thác cảng theo đúng chức năng đã được phê duyệt.	- Chuyển giao nguyên trạng Cảng cá Cát Lở về Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Khai thác Hải sản Biển Đông theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn	

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẦU GIÁ CỐ PHẦN LẦN ĐẦU
TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM (SEAPRODEX)



Stt	Địa chỉ khu đất	Diện tích theo bản đồ hiện trạng sử dụng (m ²)	Hồ sơ pháp lý liên quan đến phương án sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng nhà, đất và triển khai phương án sử dụng đất	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hoá – Hình thức và mục đích sử dụng	Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị DN tại 30/6/2013
			GCNQSDĐ cho Tổng công ty Hải sản Biển Đông trong thời gian thuê dài hạn 50 năm trả tiền thuê hàng năm. - Hợp đồng thuê đất số 04/HĐ/TPĐ ngày 22/05/2001 với Sở địa chính, tỉnh BR – VT. - GCNQSDĐ (mang tên TCT Hải sản Biển Đông) số T00407 ngày 02/07/2001 do UBND tỉnh BR – VT cấp. - Quyết định số 2325/QĐ-UBND ngày 15/10/2013 của UBND tỉnh BR-VT v/v cho TCTy TSVN thuê toàn bộ 62.594,925 m² đất để kinh doanh, khai thác Cảng cá Cát Lở.		bản số 920/BNN-QLDN ngày 17/03/2014.	
III	Thành phố Hà Nội, diện tích 5.983,70 m²					
1	2 Ngõ Gia Tự, Đức Giang, quận Long Biên	5.983,7	- Quyết định số 2390/QĐ-UB ngày 02/05/2003 của UBND TP.Hà Nội v/v Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam (cũ) thuê dài hạn 30 năm trả tiền thuê hàng năm. - Hợp đồng thuê đất 30 năm số 57-2003/ĐC-HĐTĐTN ngày 03/06/2003 giữa Tổng Công ty	Văn phòng đại diện Tổng Công ty tại Hà Nội quản lý, sử dụng. - Hiện Tổng công ty đang thực hiện thủ tục xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền	- Thuê đất 30 năm trả tiền hàng năm. - Quyết định số 2390/QĐ-UB ngày 02/05/2003 v/v cho TCT thuê 6.403 m² đất để	-

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẦU GIÁ CỎ PHẦN LẦN ĐẦU
TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM (SEAPRODEX)

Stt	Địa chỉ khu đất	Diện tích theo bản đồ hiện trạng sử dụng (m ²)	Hồ sơ pháp lý liên quan đến phương án sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng nhà, đất và triển khai phương án sử dụng đất	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hoá – Hình thức và mục đích sử dụng	Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị DN tại 30/6/2013
			Thủy sản Việt Nam (cũ) với Sở Địa chính – Nhà đất Hà Nội - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00658 ngày 30/10/2003 do UBND TP.Hà Nội cấp. - Văn bản số 3795/UBND-KH ngày 28/05/2013 của UBND thành phố Hà Nội và Văn bản số 7380/BTC-QLCS ngày 10/6/2013 của Bộ Tài chính v/v Phương án sắp xếp, xử lý cơ sở nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước của TCT Thủy sản Việt Nam trên địa bàn Tp.Hà Nội theo Quyết định 09/2007/QĐ-TTg: “Thông nhất đơn vị giữ lại tiếp tục sử dụng phù hợp với quy hoạch của Thành phố”.	sử dụng đất và đầu tư xây dựng Khu văn phòng làm việc và cho thuê, kết hợp dịch vụ thương mại phù hợp với quy hoạch của địa phương.	làm trụ sở làm việc của Trung tâm Dịch vụ Thương mại Seaprodex.	
IV	Tỉnh Bình Dương, diện tích 30.015,0 m²					
1	Khu đất thuộc Lô C, Khu CN Sóng Thần II, huyện Dĩ An	30.015,0	Quyết định số 2947/QĐ-CT ngày 26/02/2002 của UBND tỉnh Bình Dương v/v cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Tổng công ty Thủy sản Việt Nam thuê lại đất với thời	Tổng Công ty dùng làm kho, bãi hàng rời.	- Thuê đất 45 năm trả tiền thuê đất 1 lần. - Tiếp tục sử dụng làm kho, bãi hàng rời.	13.660.361.362

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẦU GIÁ CỎ PHẦN LẦN ĐẦU

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM (SEAPRODEX)



Stt	Địa chỉ khu đất	Diện tích theo bản đồ hiện trạng sử dụng (m ²)	Hồ sơ pháp lý liên quan đến phương án sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng nhà, đất và triển khai phương án sử dụng đất	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hoá – Hình thức và mục đích sử dụng	Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị DN tại 30/6/2013
V	Thành phố Hải Phòng, diện tích 30.132,0 m²					
1	173 Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền.	16.420,0	- Quyết định số 165/QĐ/UBND ngày 16/02/1994 của UBND thành phố Hải Phòng v/v chuyển giao mặt bằng cho chi nhánh Seasafico Hà Nội để xây dựng xí nghiệp chế biến thủy sản Seasafico. - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP423950 ngày 24/10/2013 do UBND TP.Hải Phòng cấp cho Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam. - Hợp đồng thuê đất số 141/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 24/10/2013 với Sở Tài nguyên và Môi trường TP.Hải Phòng.	Văn phòng và nhà xưởng sản xuất kinh doanh của Chi nhánh Tổng Công ty tại Hải Phòng.	- Tổng Công ty đã có Công văn số 311/TSVN-KHTH ngày 09/7/2014 v/v Phương án sử dụng đất của TCT khi cổ phần hóa gửi Bộ NNPTNT và UBND Thành phố Hải Phòng.	-
2	8B/215 Lê Lai, phường Máy Chai,	5.272,0	- Quyết định số 502/TSHL/TC ngày	- Trung tâm Dạy nghề Thủy sản Việt Nam quản lý		-

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM (SEAPRODEX)



Stt	Địa chỉ khu đất	Diện tích theo bản đồ hiện trạng sử dụng (m ²)	Hồ sơ pháp lý liên quan đến phương án sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng nhà, đất và triển khai phương án sử dụng đất	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hoá – Hình thức và mục đích sử dụng	Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị DN tại 30/6/2013
	quận Ngô Quyền ⁽¹⁾		08/07/1998 của Tổng Giám đốc TCTy Thủy sản Hạ Long v/v thành lập trường Công nhân kỹ thuật Hạ Long - Văn bản số 1048/VQH ngày 30/11/2003 của Viện Quy hoạch - Sở XD, TP. Hải Phòng v/v thỏa thuận quy hoạch khu đất trường CNKH Hạ Long đang quản lý và sử dụng tại số 1 đường Ngô Quyền, Quận Ngô Quyền. - Tổng Công ty Thủy sản Việt nam tiếp nhận từ Tổng công ty Thủy sản Hạ Long theo Quyết định số 456/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 14/03/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hợp nhất Tổng công ty Thủy sản Việt Nam, Tổng công ty Thủy sản Hạ Long, Tổng công ty Hải sản Biển Đông thành Tổng công ty Thủy sản Việt Nam	sử dụng. - Tổng Công ty không có chức năng trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo nghề nên thực tế cơ sở này không hoạt động từ thời điểm tiếp nhận, chỉ có một số cán bộ công nhân viên cơ hữu quản lý tài sản.	Tổng công ty đã bàn giao cho Công ty Mua bán nợ và tồn đọng của doanh nghiệp (DATC)	
3	Cơ sở nhà đất tại Lý Thánh Tông, phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn ⁽¹⁾	8.440,0	- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cho Chi nhánh Công ty Kỹ nghệ lạnh Hải Phòng số 04GCN/QLND ngày 10/03/1994UBND của UBND thị xã Đồ Sơn – thành phố Hải Phòng.	- Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam giao Chi nhánh Hải Phòng quản lý, sử dụng. - TCT Thủy sản Việt Nam	Tổng Công ty đã bàn giao cho Công ty Mua bán nợ và tồn đọng của doanh nghiệp (DATC).	-

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẦU GIÁ CỐ PHẦN LẦN ĐẦU
TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM (SEAPRODEX)



Stt	Địa chỉ khu đất	Diện tích theo bản đồ hiện trạng sử dụng (m ²)	Hồ sơ pháp lý liên quan đến phương án sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng nhà, đất và triển khai phương án sử dụng đất	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hoá – Hình thức và mục đích sử dụng	Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị DN tại 30/6/2013
			- Quyết định số 2197/QĐ-UB ngày 11/9/2003 của UBND Thành phố Hải Phòng về thu hồi khu đất 8.732 m ² giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng quản lý để tiến hành đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.	(cũ) trước đây tiếp nhận từ Công ty Kỹ Nghệ Lạnh khi cổ phần hóa từ năm 1998, do điều kiện khách quan về địa lý, môi trường kinh doanh nên Tổng công ty khai thác cơ sở nhà đất này không hiệu quả, cơ sở vật chất xuống cấp trầm trọng.		

⁽¹⁾ Đất không có nhu cầu sử dụng sau CPH.

7.3 Máy móc thiết bị

Bảng 5: Danh mục một số máy móc thiết bị có giá trị lớn của Tổng Công ty theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại 30/6/2013

T T	Tên tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá (đồng)	% còn lại	Giá trị định giá lại (đồng)
1.	Máy phát điện 195 KVA - Denyo Power - DCA 220K (Văn phòng Công ty)	1	1993	300.000.000	20%	60.000.000
2.	Thiết bị kho lạnh 500 tấn (Kho và máy nén 2+3) – Chi nhánh Seaprodex Hải Phòng	1	12/1994	3.955.061.408	35%	1.384.271.493
3.	Thiết bị hầm đông (Hầm và máy nén) – Chi nhánh Seaprodex Hải Phòng	1	12/1994	1.845.020.000	20%	369.004.000
4.	Dây chuyền hấp nghêu (Hệ thống hấp và nồi hơi) – Chi nhánh Seaprodex Hải Phòng	1	09/2012	1.101.622.756	92%	1.009.820.851

Nguồn: Trích biên bản xác định giá trị doanh nghiệp

7.4 Phương tiện vận tải

Bảng 6: Danh mục một số phương tiện vận tải có giá trị lớn của Tổng Công ty theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại 30/6/2013

	Tên tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá (đồng)	% còn lại	Giá trị định giá lại (đồng)
1.	Xe ô tô Toyota Camry ACV40L-JEAEKU 51A-33145 – Văn phòng Công ty	1	2012	1.127.768.182	82%	923.132.826
2.	Xe ô tô Toyota Fortuner 52U-8405 – Văn phòng Công ty	1	2012	857.727.273	80%	689.755.679
3.	Xe ô tô Nissan 7 chỗ 56P 9531, đời 2010, số sàn 1,8 – Văn phòng Công ty	1	2010	653.500.000	51%	335.826.380
4.	Xe Inove 8 chỗ 52U - 8802, đời 2009, số sàn	1	2009	583.096.321	43%	320.571.421

Nguồn: Trích biên bản xác định giá trị doanh nghiệp

8. Các công ty con, công ty liên kết, liên doanh và các khoản đầu tư dài hạn khác

Tại thời điểm 30/9/2014, Tổng Công ty có 6 Công ty con hoạt động trên hai lĩnh vực cơ bản là chế biến xuất khẩu thủy sản và cơ khí đóng tàu; 10 công ty liên kết và 1 công ty liên doanh.

Bảng 7: Các công ty con tại thời điểm 30/9/2014 (*)

T T	Tên Công ty con	Số ĐKKD	Năm thành lập	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tỷ lệ vốn góp	Ngành nghề kinh doanh chính
1	CTCP Cơ Khí Đóng Tàu Thủy Sản Việt Nam	0203002698	2006	56.249.660.000	62,37%	Đóng sửa tàu thuyền, kinh doanh dịch vụ tổng hợp, gia công giấy vàng mã.
2	CTCP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Hà Nội	0103012492	2006	100.000.000.000	59,34%	Chế biến xuất khẩu thủy sản, kinh doanh vật tư nhập khẩu, cho thuê văn phòng.
3	CTCP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Miền Trung	040010078	2006	100.000.000.000	54,68%	Sản xuất chế biến thủy sản xuất khẩu, kinh doanh vật tư nhập khẩu
4	CTCP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Năm Căn	059565	1998	50.000.000.000	50,78%	Nuôi trồng, chế biến, xuất khẩu thủy sản
5	Công ty TNHH MTV DVKT Hải Sản Biển Đông ⁽¹⁾	-	-	48.571.065.773	100%	Cung cấp dịch vụ hậu cần cho nghề cá.
6	Công ty TNHH MTV Thủy Sản Hạ Long ⁽²⁾	-	-	122.650.923.186	100%	Kinh doanh thương mại và dịch vụ cầu cảng

Nguồn: SEAPRODEX

(*): Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (30/6/2013), SEAPRODEX có 7 công ty con. Tháng 5/2014, SEAPRODEX đã thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Cơ khí đóng tàu Hạ Long nên số công ty con tại thời điểm hiện tại là 6 công ty.

⁽¹⁾ Công ty TNHH MTV DVKT Hải Sản Biển Đông sẽ chuyển giao về cho Bộ NN&PTNT trong năm 2014 theo Công văn số 1411/VPCP-ĐMDN ngày 5/3/2014 của Chính phủ.

⁽²⁾ Bộ NN&PTNT đang trong quá trình xin ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển giao Công ty TNHH MTV Thủy Sản Hạ Long cho Công ty TNHH MTV DVKT Hải Sản Biển Đông theo Tờ trình số 1424/TTr-BNN-QLDN ngày 5/5/2014 và Tờ trình số 1835/TTr-BNN-QLDN ngày 09/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ về việc xin chủ trương thành lập Trung tâm Dịch vụ hậu cần nghề cá trên biển và hoạt động kiểm ngư trên cơ sở hợp nhất và tổ chức lại Công ty TNHH MTV Thủy sản Hạ Long, Công ty TNHH MTV Khai thác Hải sản Biển Đông và Chi nhánh Cát Lở.

Bảng 8: Các công ty liên kết tại thời điểm 30/9/2014

	Tên Công ty liên kết	Số ĐKKD	Năm thành lập	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tỷ lệ vốn góp	Ngành nghề kinh doanh chính
1	CTCP Đóng Sửa Tàu Nhà Bè	4103002249	2004	5.000.000.000	26,01%	Đóng sửa tàu thuyền và kinh doanh các thiết bị tàu thuyền.
2	CTCP Chế Biến Thủy Sản Hạ Long	0200107688	2004	6.646.000.000	31,78%	Cho thuê kho bãi, thu mua nguyên liệu chế biến nông lâm thủy hải sản.
3	CTCP Công Nghiệp Thủy Sản	4103006087	2007	42.000.000.000	46,36%	Dịch vụ cảng, cho thuê kho bãi, đóng sửa tàu thuyền.
4	CTCP Dịch Vụ Nuôi Trồng Thủy Sản Hạ Long	0103016971	2007	32.000.000.000	20,00%	Sản xuất thuốc kích dục cá, kinh doanh thủy sản nội địa, khai thác kho bãi.
5	CTCP Khai thác & DV Khai thác Thủy Sản Hạ Long	0203002864	2010	11.000.000.000	23,21%	Kinh doanh, khai thác và chế biến thủy sản xuất khẩu, nội địa.
6	CTCP TM Quảng Cáo Seaprodex	4103004336	2006	2.500.000.000	40,00%	Tổ chức hội chợ, xúc tiến thương mại, cho thuê văn phòng.
7	CTCP Đồ Hộp Hạ Long	0200344752	1999	50.000.000.000	27,75%	Chế biến và xuất khẩu thực phẩm đồ hộp, kinh doanh kho bãi.
8	CTCP Thủy Sản Số 5	0301909649	2006	24.200.000.000	28,64%	Sản xuất chế biến và xuất khẩu thủy sản
9	CTCP XK Lao Động & TMDV Biển Đông	0305282782	2010	5.000.000.000	26,00%	Xuất khẩu lao động
10	CTCP Thủy Sản Số 4	0302317620	2001	161.606.460.000	26,90%	Sản xuất chế biến và xuất khẩu thủy sản.

Nguồn: SEAPRODEX

Bảng 9: Công ty liên doanh tại thời điểm 30/9/2014

STT	Tên Công ty liên doanh	Số ĐKKD	Năm thành lập	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty Liên doanh Thủy Sản	10/KTĐN-GPĐT	1998	80.000.000.000	50,0%

Việt Nga ⁽³⁾

Nguồn: SEAPRODEX

⁽³⁾ Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga ('Seaprimfico', 'Liên doanh') là đơn vị liên doanh giữa Tổng Công ty và Cơ quan công sản Liên Bang Nga được thành lập trên cơ sở hợp đồng liên doanh ký ngày 5/2/1998 và Giấy phép đầu tư số 10/KTĐT-GPĐT ngày 3/6/1988 với vốn điều lệ là 8.000.000 USD, trong đó Tổng Công ty góp 50% vốn (tương đương 4.000.000 USD hoặc 40.000.000.000 VND). Lần gia hạn giấy phép cuối cùng của UBND TP.HCM có thời hạn hoạt động kết thúc tại thời điểm 31/5/2007.

Hiện nay, Công ty đang tiến hành thủ tục thanh lý tài sản, di dời nhà máy để bàn giao mặt bằng cho Dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm của Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng Công ty đã nhiều lần đề nghị việc giải thể Liên doanh này nhưng phía đối tác Nga không đồng ý. Vì vậy để thuận lợi cho các nhà đầu tư mua cổ phiếu IPO, Tổng Công ty kiến nghị được xử lý khoản vốn đầu tư tại Liên doanh này khi xem xét việc điều chỉnh phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần như sau:

- Phương án 1: Bàn giao vốn đầu tư 40 tỷ đồng tại Công ty Liên doanh này cho Công ty mua bán nợ do toàn bộ số tiền đã trích lập dự phòng 35.495.015.615 đồng đã được tăng vốn Nhà nước khi xác định giá trị doanh nghiệp lần 1.

- Phương án 2: Tổng Công ty tiếp tục kế thừa khoản đầu tư tài chính dài hạn này với giá trị còn lại 4.504.984.385 đồng bằng giá trị vốn đầu tư (40 tỷ đồng) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư tài chính mà Tổng Công ty đã trích lập theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm 30/6/2013 và 31/12/2013 là 35.495.015.615 đồng (đã được tăng vốn Nhà nước khi xác định giá trị doanh nghiệp lần 1).

Ngoài các công ty con, công ty liên kết và liên doanh, SEAPRODEX còn sở hữu các khoản đầu tư dài hạn vào các công ty khác như sau:

Bảng 10: Các khoản đầu tư dài hạn khác tại thời điểm 30/9/2014

	Tên Công ty	Vốn điều lệ (VNĐ)	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ vốn góp	Ngành nghề kinh doanh chính
1	CTCP Kinh doanh XNK Thủy sản	10.500.000.000	189.000	18,00%	Xuất khẩu hàng thủy sản, nhập khẩu vật tư, cho thuê văn phòng
2	CTCP Thủy đặc sản	108.000.000.000	1.944.000	18,00%	Sản xuất chế biến thực phẩm đóng hộp từ hải sản, chế biến xúc sản, cho thuê mặt bằng
3	CTCP Sản xuất thương mại Dịch vụ Phú Mỹ	14.000.000.000	250.000	17,86%	Pha chế và kinh doanh sữa tắm, nước hoa và cho thuê mặt bằng
4	CTCP Vật tư Thủy sản Việt Nam	9.000.000.000	159.868	17,76%	Kinh doanh thương mại, dịch vụ kho bãi
5	CTCP Việt Pháp SX Thức ăn gia súc Proconco	2.000.000.000.000	34.940.000	17,47%	Sản xuất chế biến

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM (SEAPRODEX)



	Tên Công ty	Vốn điều lệ (VNĐ)	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ vốn góp	Ngành nghề kinh doanh chính
					thức ăn gia súc
6	CTCP Thủy sản số 1	55.832.000.000	990.000	17,73%	Sản xuất chế biến và xuất khẩu thủy sản
7	CTCP Thủy sản Minh Hải	80.999.510.000	1.189.383	14,68%	Sản xuất chế biến và xuất khẩu thủy sản
8	CTCP Kỹ thuật công trình Việt Nam 2TT	30.000.000.000	425.600	14,19%	Xây dựng
9	CTCP Kỹ nghệ lạnh	243.749.160.000	3.114.000	12,78%	M&E, xây dựng
10	CTCP Thiết bị Hàng hải	9.000.000.000	100.000	11,11%	Cung cấp thiết bị điện tử hàng hải
11	CTCP Bao bì Thủy sản	2.000.000.000	17.000	8,50%	Sản xuất bao bì thủy sản
12	CTCP Xây lắp Thủy sản II	15.280.000.000	128.000	8,38%	Xây lắp
13	CTCP Đầu tư kinh doanh phát triển nhà Seaprodex	68.000.000.000	200.000	2,94%	Kinh doanh phát triển nhà
14	CTCP Biển Tây	26.345.910.000	47.002	1,78%	Kinh doanh thức ăn gia súc

Nguồn: SEAPRODEX

9. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước cổ phần hóa

9.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

9.1.1. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ qua các năm

Tổng hợp sản lượng tiêu thụ thủy sản của SEAPRODEX và các công ty con trong giai đoạn năm 2011-2013 được thể hiện theo bảng sau:

Bảng 11: Cơ cấu sản lượng thủy sản theo đơn vị kinh doanh

Sản lượng	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014 (ước tính)	
	Tấn	%	Tấn	%	Tấn	%	Tấn	%
I. Công ty mẹ	987	12,7	423	6,5	63	1,0	109	1,6
Công ty Seaprodex Hải Phòng	987	12,7	414	6,4	41	0,6	47,5	0,7
Công ty Seaprodex Lâm Đồng	-	-	8,4	0,1	22	0,4	62	0,9
II. Công ty con	6.765	87,3	6.078	93,5	5.990	99,0	6.500	98,4
CTCP XNK Thủy sản Miền Trung	3.470	44,8	3.337	51,3	3.064	50,6	2.450	37,7

Sản lượng	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014 (ước tính)	
	Tấn	%	Tấn	%	Tấn	%	Tấn	%
CTCP XNK Thủy sản Năm Căn	2.166	27,9	1.523	23,4	2.364	39,1	3.750	56,7
CTCP XNK Thủy sản Hà Nội	529	6,8	334	5,1	309	5,1	400	4,5
CTCP XNK Thủy sản Sài Gòn (*)	600	7,7	884	13,6	253	4,2	-	-
TỔNG CỘNG	7.752	100,0	6.501	100,0	6.053	100,0	6.609	100,0

Nguồn: SEAPRODEX

(*) Tổng Công ty đã thoái toàn bộ vốn tại CTCP XNK Thủy sản Sài Gòn vào tháng 12/2013 nên không tính sản lượng của công ty con này sau thời điểm thoái vốn.

Đầu tư vào các công ty sản xuất kinh doanh trong ngành thủy sản chế biến là hoạt động chính của SEAPRODEX. Tại SEAPRODEX cũng có hoạt động sản xuất chế biến thủy sản nhưng với quy mô nhỏ, tập trung chủ yếu ở Công ty Seaprodex Hải Phòng với các sản phẩm phổ biến là tôm, cá, mực. Tại Công ty Seaprodex Lâm Đồng, hoạt động chủ yếu là nuôi trồng và kinh doanh cá tầm.

Sản lượng thủy sản tiêu thụ tại Công ty mẹ giảm đáng kể trong các năm qua, cụ thể, năm 2012 giảm 58,05% so với năm 2011 và năm 2013 giảm 85,11% so với năm 2012. Nguyên nhân là do tình trạng khó khăn và khan hiếm trong nguyên liệu sản xuất phục vụ hoạt động chế biến thủy sản tại khu vực phía Bắc, dẫn đến hoạt động kinh doanh tại Chi nhánh Seaprodex Hải Phòng không hiệu quả. Do đó, TCT đã có chủ trương giảm dần hoạt động chế biến thủy sản tại Chi nhánh Hải Phòng từ năm 2013. Hiện tại, Chi nhánh Hải Phòng chủ yếu chỉ nhận gia công chế biến thủy sản cho các khách hàng và lấy phí gia công.

Bảng 12: Cơ cấu sản lượng thủy sản theo sản phẩm

Loại sản phẩm	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Tấn	%	Tấn	%	Tấn	%
Tôm	7.065	91,14	5.586	85,93	5.648	93,31
Cá	365	4,7	289	4,45	168	2,77
Mực	186	2,39	250	3,84	92	1,52
Khác	136	1,77	376	5,77	145	2,4
TỔNG CỘNG	7.752	100,0	6.501	100,0	6.053	100,0

Nguồn: SEAPRODEX

Bảng 13: Cơ cấu sản lượng sản phẩm theo thị trường

Thị trường	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Tấn	%	Tấn	%	Tấn	%
Mỹ	322	4,15	173	2,67	183	3,03
Nhật Bản	3.198	41,25	3.658	56,27	3.175	52,45
Châu Âu	4.029	51,97	1.780	27,38	2.096	34,63
Châu Á	203	2,62	890	13,69	599	9,89

Thị trường	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Tấn	%	Tấn	%	Tấn	%
TỔNG CỘNG	7.752	100	6.501	100	6.053	100

Nguồn: SEAPRODEX

Trong cơ cấu sản lượng thủy sản theo sản phẩm và thị trường, tôm là sản phẩm xuất khẩu chủ lực của SEAPRODEX, chiếm từ 85 - 93% tổng sản lượng. Nhật Bản và Châu Âu vẫn là hai thị trường xuất khẩu chủ yếu của SEAPRODEX.

9.1.2. Doanh thu từng nhóm sản phẩm/ dịch vụ qua các năm

Cơ cấu doanh thu của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam trong từng lĩnh vực hoạt động qua các năm có sự dịch chuyển và biến động đáng kể về tỷ trọng. Cụ thể:

Bảng 14: Cơ cấu doanh thu thuần theo lĩnh vực hoạt động

Đơn vị tính: tỷ đồng

	Năm 2011 (*)	Tỷ trọng (%)	Năm 2012 (*)	Tỷ trọng (%)	Năm 2013 (*)	Tỷ trọng (%)
Ngành nghề chính:	1.913,6	54,0	1.644,5	44,9	1.593,2	46,1
- Xuất khẩu thủy sản	1.253,5	35,4	1.080,0	29,5	1.182,0	34,2
- Thủy sản nội địa	422,4	11,9	421,2	11,5	307,7	8,9
- Cơ khí đóng tàu	2,6	0,1	4,2	0,1	1,2	0,0
- Dịch vụ hậu cần nghề cá	235,1	6,6	139,1	3,8	102,3	3,0
Ngành nghề có liên quan:	1.628,9	46,0	2.019,8	55,1	1.865,5	53,9
- Kinh doanh thương mại nhập khẩu	1.432,5	40,4	1.663,6	45,4	1.607,4	46,5
- Kinh doanh dịch vụ khác	196,4	5,5	356,2	9,7	258,1	7,5
Tổng doanh thu	3.542,5	100%	3.664,3	100%	3.458,7	100%

Nguồn: SEAPRODEX

(*) Chỉ tiêu dùng làm cơ sở phân tích năm 2011 là số liệu được cộng từ ba đơn vị thành viên của Tổng Công ty theo Quyết định số 456/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 14/3/2011. Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/4/2011 đến ngày 31/12/2011. Các chỉ tiêu làm cơ sở phân tích năm 2012 và 2013 căn cứ theo BCTC kiểm toán hợp nhất.

Số liệu trên cho thấy trong cơ cấu sản phẩm, tỷ trọng ngành nghề chính có xu hướng giảm dần và tỷ trọng ngành nghề liên quan có xu hướng tăng dần trong giai đoạn năm 2011-2013. Cụ thể, tỷ trọng ngành nghề chính và ngành nghề liên quan trong cơ cấu doanh thu Tổng Công ty năm 2011 là 54%/46%, năm 2012 là 44,9%/55,1% và năm 2013 là 46,1%/53,9%.

Trong **ngành nghề kinh doanh chính**, chế biến xuất khẩu thủy sản chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt trung bình trên 30% doanh thu hợp nhất của Tổng Công ty qua các năm với doanh số xuất khẩu hàng năm ổn định

trong khoảng 54 - 61 triệu đô la Mỹ. Mạng kinh doanh thủy sản nội địa tại SEAPRODEX và các công ty con bao gồm việc kinh doanh thương mại trong nước các sản phẩm hải sản đông lạnh như tôm, mực, cá (không có thương hiệu riêng) và kinh doanh cá tầm do TCT nuôi trồng và bán cho các nhà hàng và siêu thị. Dịch vụ hậu cần nghề cá bao gồm các dịch vụ chính như cho thuê kho lạnh tại cảng, cung cấp nước đá cây phục vụ cho khai thác hải sản, cung cấp điện, xăng dầu cho các tàu cá, phí dịch vụ kinh doanh chợ cá v.v., chủ yếu phát sinh từ Chi nhánh Cảng cá - Cát Lở Vũng Tàu và Công ty CP Xuất Nhập khẩu Thủy sản Miền Trung. Ngành Cơ khí đóng tàu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu hợp nhất và có xu hướng giảm dần qua các năm.

Trong **ngành nghề kinh doanh có liên quan**, ngành nghề Kinh doanh thương mại nhập khẩu chiếm tỷ trọng từ 40% - 47% trên doanh thu hợp nhất của Tổng Công ty qua các năm. Mặt hàng kinh doanh chính của mạng kinh doanh thương mại này bao gồm sắt, thép, kim loại màu và các máy móc thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản. Hoạt động này được thực hiện tại Chi nhánh Xuất nhập khẩu của TCT và 2 công ty con là Công ty CP Xuất Nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (SEAPRODEX sở hữu 54,68%) và Công ty CP Xuất Nhập khẩu Thủy sản Hà Nội (SEAPRODEX sở hữu 59,34%). Hoạt động kinh doanh dịch vụ khác trong ngành nghề có liên quan chủ yếu bao gồm doanh thu từ cho thuê văn phòng và kho bãi v.v.

9.1.3. Nguyên, nhiên liệu chính sử dụng trong sản xuất của Tổng công ty

a/ Hoạt động sản xuất chế biến và nuôi trồng thủy sản:

- Nguyên liệu chính: bao gồm nguyên liệu hải sản từ đánh bắt (cá, mực, bạch tuộc) và từ nuôi trồng như tôm (tôm sú, tôm thẻ chân trắng), cá tầm.
- Tính ổn định của các loại nguyên liệu:

✓ Đối với nguyên liệu đánh bắt: Nguyên liệu đánh bắt phụ thuộc mùa vụ sản xuất của ngư dân. Có hai mùa vụ chính trong năm là mùa Nam (từ tháng 3 Âm lịch đến tháng 9 Âm lịch) và mùa Bắc (từ tháng 10 Âm lịch đến tháng 2 Âm lịch năm sau). Mùa Nam thường đạt sản lượng đánh bắt và nguyên liệu có giá trị cao hơn với các loại cá như cá ngừ, cá thu, cá chim v.v. và cũng là mùa vụ sản xuất chính của nhà máy. Vì vậy, để đảm bảo đủ nguyên liệu cho sản xuất, thông thường các nhà máy của Tổng Công ty phải dự trữ nguyên liệu bình quân 2-3 tháng/năm.

✓ Đối với nguyên liệu cho nuôi trồng: Sản phẩm nuôi chính của Tổng Công ty hiện nay là cá tầm, chủ yếu là cá lấy thịt. Chu kỳ nuôi cá thịt từ cá giống (50gr/con) thành cá thương phẩm (2 kg/con) mất bình quân khoảng 12 tháng. Cá giống được cung cấp từ các trại giống trong nước nhập trứng cá hoặc cá bột để ương thành cá giống. Chất lượng và giá cả của con giống đang được cải thiện và ngày càng cạnh tranh hơn. Để phát triển vững chắc, Tổng Công ty đang nghiên cứu để tham gia sâu vào chuỗi sản xuất cá tầm, trước mắt sẽ ưu tiên ở khâu sản xuất giống, tiếp theo là sản xuất thức ăn.

b/ Hoạt động kinh doanh thương mại nhập khẩu

- Hàng hóa chính: sắt, thép cuộn, kim loại màu, thiết bị cho ngành thủy sản v.v.
- Tính ổn định của các nguồn cung cấp: Lĩnh vực kinh doanh thương mại nhập khẩu là lĩnh vực kinh doanh truyền thống của SEAPRODEX. SEAPRODEX nhập các loại hàng hóa từ các nhà cung cấp và các thị trường truyền thống như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và các nước trong khối Asean để cung cấp trực tiếp hoặc nhập khẩu ủy thác cho các khách hàng truyền thống phục vụ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước.

9.1.4. Chi phí sản xuất

Tổng chi phí sản xuất và hoạt động của Công ty mẹ SEAPRODEX và tỷ trọng chi phí trên doanh thu giai

đoạn 2011- 2013:

Bảng 15: Cơ cấu chi phí

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi phí	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1. Giá vốn hàng bán	137.507	451.883	358.533
Tỷ trọng Giá vốn hàng bán/ Doanh thu	81,3%	91,2%	88,7%
2. Chi phí bán hàng	1.219	3.470	2.551
Tỷ trọng Chi phí bán hàng/ Doanh thu	0,7%	0,7%	0,6%
- Chi phí nhân viên ⁽¹⁾	-	45	313
- Chi phí vật liệu, bao bì	95	33	37
- Chi phí dụng cụ văn phòng	-	-	110
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-	10
- Chi phí triển lãm, quảng cáo	-	-	317
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.062	2.888	1.504
- Chi phí bằng tiền khác	62	503	260
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	42.459	48.044	55.743
Tỷ trọng Chi phí quản lý/ Doanh thu	25,1%	9,7%	13,8%
- Chi phí nhân viên quản lý	22.067	24.983	30.814 (*)
- Chi phí vật liệu, thiết bị quản lý	812	1.045	2.146
- Chi phí dụng cụ văn phòng	1.314	1.213	956
- Chi phí khấu hao TSCĐ	4.767	3.887	2.919
- Thuế, phí, lệ phí	1.098	1.760	3.210
- Chi phí dự phòng	1.792	673	2.975
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.469	8.987	8.326
- Chi phí bằng tiền khác	3.650	5.496	4.396
TỔNG CHI PHÍ/DOANH THU	107,2%	101,6%	103,1%

Nguồn: BCTC Công ty mẹ năm 2012, 2013

⁽¹⁾ Chi phí nhân viên trong năm 2013 đã bao gồm chi phí lương dự phòng cho năm 2014 với tổng số tiền là 2.006.440.390 đồng. Theo đó, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn, chủ yếu bao gồm chi phí nguyên vật liệu (đối với ngành nghề kinh doanh chính) và chi phí nhập hàng (đối với ngành nghề kinh doanh có liên quan) với tỷ trọng giá vốn trên doanh thu trung bình là 85% trong giai đoạn 2011 – 2013. Điều này cho thấy yếu tố quan trọng của việc phải đảm bảo ổn định nguồn cung nguyên liệu đầu vào với giá cả cạnh tranh trong giai đoạn kinh doanh sau

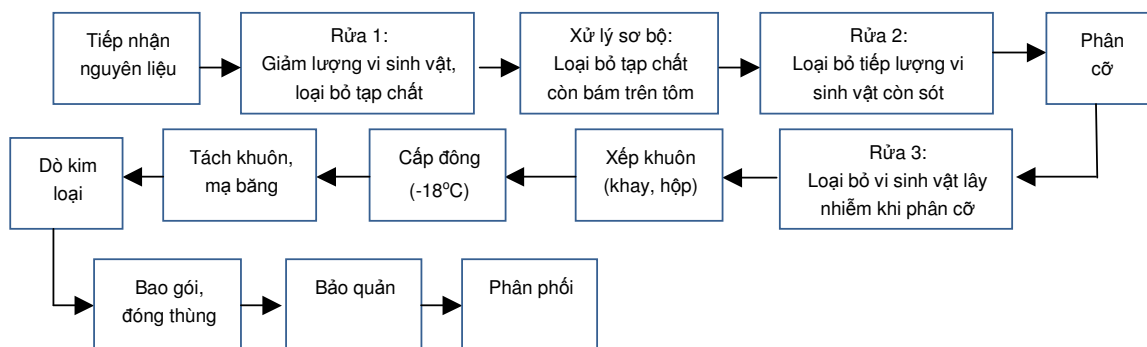
cổ phần hóa.

Tỷ trọng của chi phí bán hàng trên doanh thu ổn định ở mức 0,7%, nhưng chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu dao động biên độ rộng 10%-25% do chi phí quản lý phát sinh từ việc hợp nhất Tổng Công ty năm 2011 và di dời trụ sở văn phòng công ty 2013.

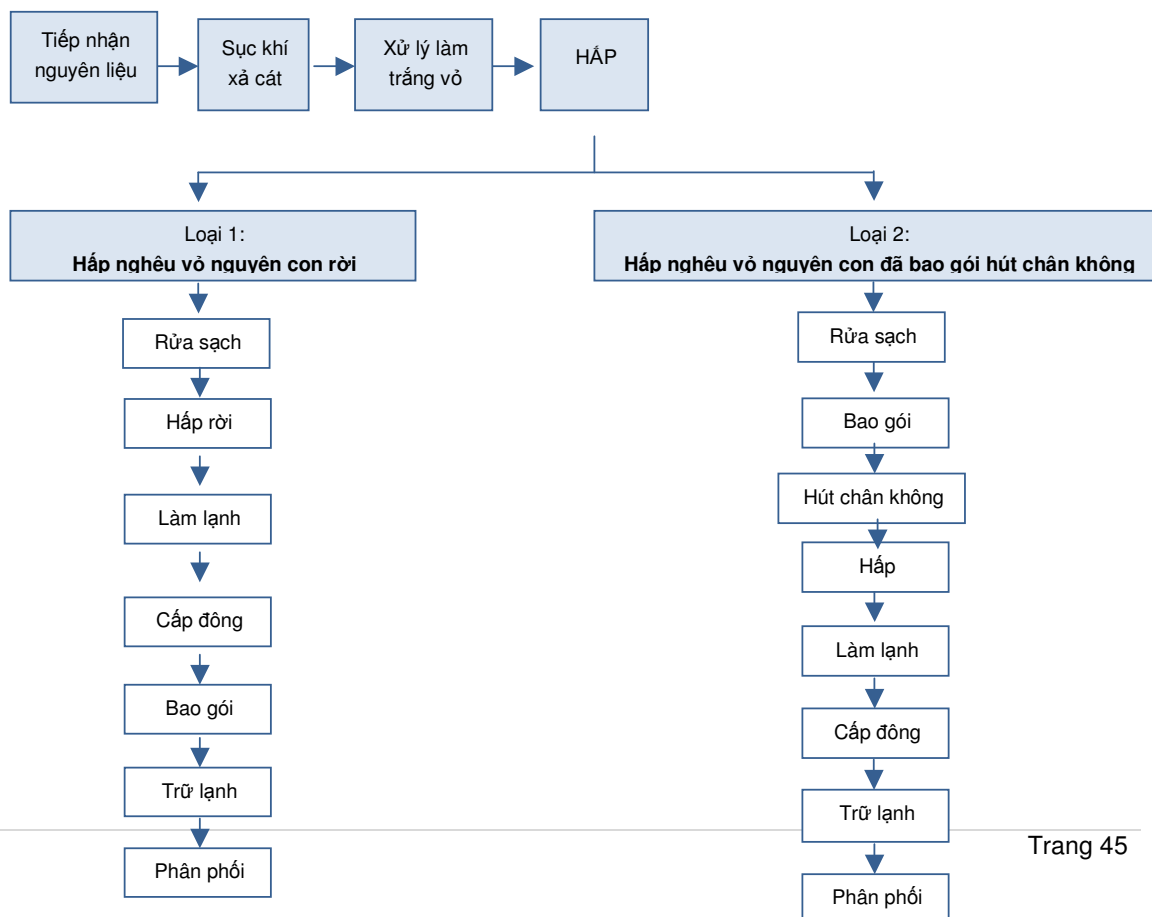
9.1.5. Quy trình công nghệ sản xuất tiêu biểu

Dưới đây là một số quy trình công nghệ sản xuất vận hành trong hệ thống sản xuất của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên. Các quy trình đáp ứng được các tiêu chuẩn về chất lượng như: HACCP, GMP, SSOP, BRC, ISO, HALAL áp dụng tại các thị trường nhập khẩu lớn như Nhật Bản, Mỹ, EU. Tiêu biểu trong số đó là quy trình sản xuất các mặt hàng từ tôm sú, tôm thẻ và nghêu nguyên con đông lạnh.

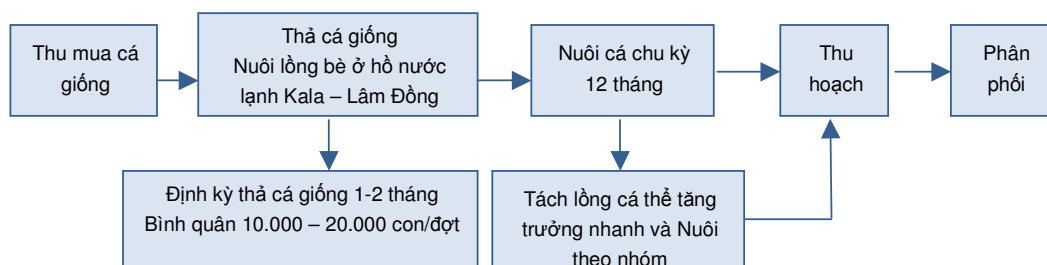
a. Quy trình sản xuất tôm sú, tôm thẻ nguyên con



b. Quy trình chế biến nghêu hấp nguyên con



c. Quy trình nuôi Cá Tầm



9.1.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Việc nghiên cứu sản phẩm mới được tổ chức tại doanh nghiệp thành viên bên dưới, Tổng công ty chỉ hỗ trợ thực hiện bảo hộ thương hiệu, sở hữu trí tuệ liên quan thương hiệu Seaprodex.

9.1.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

- Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng: HACCP, GMP, SSOP, BRC, ISO, HALAL, tương ứng với yêu cầu quản lý chất lượng áp dụng phù hợp cho từng thị trường nhập khẩu lớn như Nhật Bản, Mỹ, EU.
- Bộ phận kiểm tra chất lượng: tổ chức trực tiếp tại doanh nghiệp sản xuất theo qui định của hệ thống quản lý chất lượng mà doanh nghiệp được công nhận.

9.1.8. Hoạt động Marketing

SEAPRODEX hoạt động marketing chung thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại như tham gia các kỳ hội chợ chuyên ngành thủy sản được tổ chức trong nước và quốc tế (Tổng Công ty thường xuyên tham gia Hội chợ triển lãm thủy sản quốc tế - VIETFISH hàng năm do VASEP tổ chức); tham gia các đoàn khảo sát thị trường nước ngoài theo các đề án và chương trình cụ thể. Ngoài ra, Tổng Công ty duy trì việc quảng bá hình ảnh của Tổng Công ty và các công ty thành viên, thông tin hoạt động, sản phẩm và dịch vụ thông qua website của Tổng Công ty liên kết với các đơn vị thành viên trong hệ thống SEAPRODEX.

9.1.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện tại, SEAPRODEX đã đăng ký nhãn hiệu thương mại trong nước với tên gọi và biểu tượng tại Cục sở hữu công nghiệp:

Bảng 16: Danh mục giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa trong nước

Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa	Quyết định	Ngày cấp
Số 48271 (Ngày bảo hộ: 23/05/2002)	Số 3561/QĐ-ĐK	20/06/2003

Tổng công ty cũng đăng ký sở hữu nhãn hiệu thương mại tại nhiều nước trên thế giới gồm:

Bảng 17: Danh mục giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa nước ngoài

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM (SEAPRODEX)



Quốc gia	Văn bằng	Ngày cấp
Châu Âu (Ngày bảo hộ: 26/07/2002)	N ^o 002795185	09/12/2003
Nhật Bản (Ngày bảo hộ: 03/07/2002)	4696681	01/08/2003

9.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước cổ phần hóa

Bảng 18: Một số chỉ tiêu tài chính 3 năm trước cổ phần hóa

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ			BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT		
	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1. Tổng tài sản	1.103.459	1.182.048	1.227.336	2.568.471	2.352.430	2.095.113
2. Nguồn vốn nhà nước	826.722	839.031	839.031	826.722	839.031	839.031
3. Nợ vay ngắn hạn	8.842	27.764	15.500	762.289	725.337	425.702
4. Nợ vay dài hạn	-	-	-	48.893	16.377	8.781
5. Nợ phải thu khó đòi	-	-	-	-	-	-
6. Tổng số lao động	307	280	277	n/a	n/a	n/a
7. Tổng quỹ lương	24.336	27.034	30.603	n/a	n/a	n/a
8. Thu nhập (đồng/người/tháng)	9.013.669	9.700.232	10.230.799	n/a	n/a	n/a
9. Tổng doanh thu và thu nhập ⁽¹⁾	268.830	609.034	522.264	3.731.453	3.813.791	3.610.117
10. Tổng chi phí ⁽²⁾	213.981	537.812	445.113	3.587.195	3.757.201	3.528.654
11. Lợi nhuận trước thuế	54.849	71.222	77.151	144.259	33.404	105.232
12. Lợi nhuận sau thuế	58.442	70.476	71.703	135.902	27.945	98.034
13. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn Nhà nước	7,07%	8,40%	8,55%	16,44%	3,33%	11,68%

Nguồn: BCTC Công ty mẹ và BCTC hợp cộng năm 2011; BCTC kiểm toán Công ty mẹ và hợp nhất năm 2012, 2013

⁽¹⁾: Tổng doanh thu và thu nhập bao gồm doanh thu thuần, doanh thu tài chính và thu nhập khác.

⁽²⁾: Tổng chi phí bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác.

Một số chỉ tiêu tài chính ước tính cho năm 2014:

Năm 2014	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận (tỷ đồng)	Nộp ngân sách (tỷ đồng)
Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con	3.181	103	113
Công ty mẹ	262	60	17
Công ty con	2.919	43	96

Nguồn: SEAPRODEX

9.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm báo cáo

a/ Yếu tố thuận lợi

- Phương án tái cơ cấu Tổng Công ty từng bước phát huy tác dụng, mang lại hiệu quả kinh doanh trong sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các nội dung tái cơ cấu về tài chính và các khoản đầu tư. Trong năm 2013, thực hiện Phương án Tái cơ cấu Tổng Công ty về đầu tư vào doanh nghiệp khác, cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng Công ty có sự thay đổi: số công ty con giảm từ 10 xuống còn 7 doanh nghiệp; số công ty liên kết giảm từ 17 xuống 10 doanh nghiệp; số doanh nghiệp có vốn đầu tư dài hạn khác giảm từ 22 xuống còn 14 doanh nghiệp.
- Hoạt động sản xuất chế biến và xuất khẩu thủy sản năm 2013 của Việt Nam, đặc biệt là xuất khẩu tôm gặp nhiều thuận lợi, kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh. Tuy nhiên, 2 doanh nghiệp xuất khẩu tôm của Tổng Công ty là Công ty CP XNK Thủy sản Miền trung (SeaproDEX Đà Nẵng) và Công ty CP XNK Thủy sản Năm Căn (Seanamico) chưa tận dụng tốt cơ hội này, sản xuất có tăng trưởng nhưng hiệu quả kinh doanh không cao. Tổng kim ngạch xuất khẩu của 2 doanh nghiệp này đạt 63,64 triệu USD trong năm 2013, chiếm gần 1% kim ngạch xuất khẩu của toàn ngành.
- Đề án tái cơ cấu Ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững được phê duyệt bước đầu tạo nhiều thuận lợi cho các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu thủy sản.

b/ Yếu tố bất lợi

- Tình hình kinh tế trong nước và nước ngoài vẫn còn nhiều khó khăn, sức cầu chưa được cải thiện. Một số ngành kinh tế như kinh doanh thương mại, cơ khí đóng tàu vẫn trong tình trạng suy thoái.
- Tình hình hạn mức tín dụng thu hẹp và điều kiện cho vay của các ngân hàng chặt chẽ hơn đối với các doanh nghiệp sản xuất và chế biến thủy sản.
- Quản trị doanh nghiệp tại đa số các đơn vị còn hạn chế. Khả năng đánh giá, dự báo tình hình thị trường chưa sát, còn bị động và lúng túng trước những diễn biến của thị trường, do đó hiệu quả kinh doanh không cao.

10. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

10.1. Vị thế của công ty trong ngành

a/ Đối với ngành xuất khẩu thủy sản chế biến

Tổng công ty Thủy sản Việt Nam là Tổng Công ty Nhà nước duy nhất của ngành thủy sản với ngành nghề kinh doanh chính là nuôi trồng, sản xuất chế biến thủy sản xuất khẩu và tiêu thụ trong nước. Doanh thu hợp nhất từ xuất khẩu thủy sản của Tổng Công ty bình quân đạt 1.100 – 1.200 tỷ đồng/năm, chiếm hơn 30% tổng doanh thu hợp nhất và đạt xấp xỉ gần 1% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước.

Trong Top 100 doanh nghiệp thủy sản hàng đầu chiếm 71% kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước, có một số công ty nằm trong tổ hợp các công ty con, công ty liên kết và khoản đầu tư dài hạn của SEAPRODEX như: Công ty CP Thủy sản Minh Hải (đứng thứ 24); Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung (đứng thứ 55); CTCP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Năm Căn (đứng thứ 61); Công ty CP Thủy sản Số 4 (đứng thứ 77).
 (Nguồn: VASEP).

Về sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Tổng Công ty: sản lượng tôm xuất khẩu của Tổng Công ty chiếm trên 2% sản lượng tôm xuất khẩu của toàn ngành. Trong đó, sản phẩm tôm sinh thái Năm Căn – Cà Mau xuất khẩu chiếm trên 90% sản lượng sản phẩm này của toàn ngành.

Chỉ tiêu (tấn)	2012	2013
Tổng sản lượng thủy sản cả nước	5.925.000	6.050.000
Tôm nước lợ	488.000	548.000
Sản lượng tôm xuất khẩu của SEAPRODEX (quy đổi)	11.172	11.296
Tỷ trọng SEAPRODEX/Tổng sản lượng tôm nước lợ	2,29%	2,06%

Nguồn: Báo cáo Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam năm 2013, SEAPRODEX

b/ Đối với ngành kinh doanh thương mại nhập khẩu

Doanh số kinh doanh thương mại nhập khẩu của SEAPRODEX bình quân đạt khoảng 1.500 tỷ đồng/năm, trong đó, các sản phẩm sắt, thép cuộn chiếm khoảng 80%. Tuy chỉ chiếm tỷ trọng không lớn so với hoạt động kinh doanh thương mại của các sản phẩm này trên cả nước, Tổng Công ty có những khách hàng truyền thống là các doanh nghiệp Việt Nam có uy tín, thương hiệu trong lĩnh vực sản xuất kim loại, gia công cơ khí ở các địa phương kinh tế trọng điểm như TP.HCM, Hà Nội, Hải Phòng.

10.2. Triển vọng phát triển ngành

Việt Nam đứng thứ 3 thế giới về sản lượng nuôi trồng thủy sản sau Trung Quốc, Ấn Độ và giữ vai trò quan trọng cung cấp nguồn thủy sản nuôi trồng toàn cầu. Nước ta với hệ thống sông ngòi dày đặc và có đường biển dài hơn 3.260 km, nên rất thuận lợi phát triển hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản.

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam có bước tăng trưởng vượt bậc trong 17 năm qua, từ 550 triệu đô la Mỹ (năm 1995) tăng lên 6,7 tỷ đô la Mỹ (năm 2013). Quá trình tăng trưởng này đã đưa Việt Nam trở thành một trong năm nước xuất khẩu thủy sản lớn nhất thế giới, giữ vai trò chủ đạo trong việc cung cấp nguồn thủy sản cho toàn cầu.

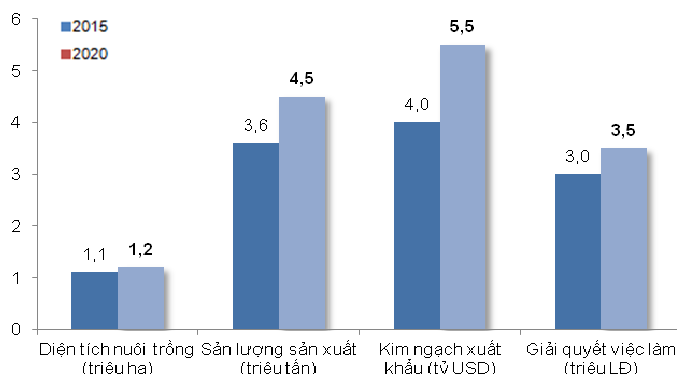
Chính sách hỗ trợ tăng trưởng xuất khẩu thủy sản trong nước được các cấp ngành quan tâm. Cơ quan quản lý nhà nước, Bộ NN và PTNT đã tháo gỡ trở ngại cho các doanh nghiệp thủy sản khi ban hành Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT có hiệu lực kể từ ngày 26/12/2013, thay thế Thông tư số 55/2011 quy định về việc kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu. Thông tư này đã giúp tháo gỡ cơ bản những khó khăn trong hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam.

Đồng bộ với giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu là giải pháp tài chính. Ngày 6/12/2013, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 29/2013/TT-NHNN về việc cho vay bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay là người cư trú. Thông tư mới vẫn giữ nguyên quy định đối với 4 đối tượng vay vốn bằng ngoại tệ nhưng gia hạn cho vay thêm một năm so với quy định cũ (thực hiện đến hết ngày 31/12/2014). Đây cũng là một trong những kiến nghị quan trọng của VASEP trong năm 2012 - 2013 nhằm giúp các doanh nghiệp xuất khẩu được vay ngoại tệ với lãi suất hợp lý, giúp

giảm giá thành, tăng khả năng cạnh trên thị trường quốc tế.

"Tái cơ cấu ngành thủy sản theo chiều sâu, phát triển thủy sản bền vững, nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của ngành thủy sản Việt Nam" là các mục tiêu cụ thể thuộc Đề án tái cơ cấu ngành thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững do Bộ NN và PTNT ban hành Quyết định số 2760/QĐ-BNN-TCST ngày 22/11/2013 nhằm định hướng chiến lược phát triển ngành đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Các doanh nghiệp ngành thủy sản kỳ vọng chính sách hỗ trợ của cơ quan quản lý ngành sẽ là giải pháp thực tiễn nhằm tháo gỡ rào cản cản trở sự tăng trưởng của ngành nghề.

Dù hiện tại vẫn còn đối mặt với nhiều thuận lợi và khó khăn, nhưng ngành thủy sản được xác định là một trong những ngành xuất khẩu chủ đạo của Việt Nam trong tương lai thông qua Quyết định số 332/QĐ-TTg ngày 03/3/2011 về việc Phê duyệt Đề án nuôi trồng thủy sản đến năm 2020, đặt mục tiêu phát triển dài hạn cho ngành thủy sản Việt Nam. Do đó, cơ hội, tiềm năng phát triển của ngành vẫn còn rất lớn nếu giải quyết tốt một số thách thức của ngành.



Loại thủy sản	Sản lượng	Tăng trưởng bình quân/năm đến 2020
Cá tra	1,5-2,0 triệu MT	4,8%
Tôm	700.000 MT	5,76%
Nhuế hai mảnh vỏ	400.000 MT	16,0%
Cá biển	200.000 MT	14,9%
Cá rô phi	150.000 MT	7,9%
Rong tảo	150.000 MT	7,2%
Tôm càng xanh	60.000 MT	11,6%

Nguồn: Quyết định số 332/QĐ-TTg

10.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Với chiến lược phát triển sau cổ phần hóa nói chung và kế hoạch sản xuất kinh doanh nói riêng, nếu Tổng Công ty chủ động bám sát các chỉ tiêu kế hoạch từng năm đặt ra, điều hành quyết liệt linh hoạt, có trọng điểm, chủ động ứng phó trước những biến động, hạn chế thấp nhất những ảnh hưởng tiêu cực và khai thác tốt cơ hội từ thị trường; phát huy tối đa năng lực hiện có thì kế hoạch kinh doanh sau cổ phần hóa là khả thi. Phương án đầu tư và chiến lược của doanh nghiệp sau cổ phần hóa phù hợp với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

II. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu cổ phần hóa

Trở thành doanh nghiệp mạnh trong lĩnh vực nuôi trồng và chế biến, xuất khẩu thủy sản thông qua việc đầu tư gián tiếp nâng tỉ lệ sở hữu vào các công ty chuyên doanh thủy sản, thức ăn gia súc, kinh doanh kho bãi và văn phòng cho thuê. Bên cạnh đó, Tổng công ty sẽ chú trọng phát triển thị trường thủy sản nội địa hiện vẫn còn nhiều tiềm năng chưa được khai thác.

Kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2015 – 2017, Tổng công ty đặt ra các mục tiêu cơ bản sau:

- Hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng công ty phát triển ổn định, bền vững với tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân 10%/ năm.
- Tái cơ cấu hoạt động của các công ty con và xây dựng mối quan hệ đối tác chặt chẽ với các công ty liên kết nhằm khai thác triệt để các thế mạnh của nhau, tiến tới mục tiêu xây dựng một hệ thống lưu thông hàng hóa nhanh trên nguyên tắc các bên đều có lợi, giảm sức cạnh tranh nội bộ, phát huy tính cộng hưởng tạo nên sự phát triển vững chắc.
- Tăng cường đầu tư công tác R&D cả trong lĩnh vực thủy sản nhằm tìm giải pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động, tăng cường các yếu tố giá trị gia tăng nhằm nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm. Bên cạnh đó, công tác R&D có nhiệm vụ tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới có lợi nhuận cao.
- Tiếp tục sắp xếp bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, xây dựng môi trường làm việc cạnh tranh lành mạnh và năng động để khuyến khích tạo động lực phát triển cho người lao động. Tập trung đào tạo lực lượng lao động chất lượng cao, chuyên môn giỏi đặc biệt là trong lĩnh vực nuôi trồng và chế biến thủy sản.
- Nghiên cứu việc liên kết sản xuất và kinh doanh xuất khẩu một số mặt hàng nông lâm sản có giá trị gia tăng cao.
- Bán bớt phần vốn Nhà nước.
- Đưa cổ phiếu của Tổng Công ty vào giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung trong thời hạn 1 năm kể từ ngày cổ phần hóa.

2. Hình thức cổ phần hóa

Theo khoản 2, Điều 4, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, Tổng Công ty sẽ bán bớt phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp. Nhà nước nắm cổ phần chi phối tại SEAPRODEX với tỷ lệ không thấp hơn 51% vốn điều lệ của SEAPRODEX.

3. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa

- Tên tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN
- Tên gọi tắt tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VN - CTCP
- Tên tiếng Anh: VIET NAM SEAPRODUCTS – JOINT STOCK CORPORATION
- Tên viết tắt: SEAPRODEX

- Trụ sở: Số 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
- Điện thoại: 08.38291924
- Fax: 08.38290146
- Website: www.seaprodex.vn



- Logo:

4. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa

Ngành nghề chính

- (i) Chế biến và xuất khẩu thủy sản;
- (ii) Nuôi trồng thủy sản;
- (iii) Cơ khí đóng, sửa tàu thuyền;
- (iv) Kinh doanh thủy sản nội địa.

Ngành nghề liên quan

- (i) Kinh doanh dịch vụ nhập khẩu phục vụ sản xuất thủy sản và tiêu dùng nội địa;
- (ii) Kinh doanh dịch vụ du lịch có liên quan đến ngành thủy sản như du lịch sinh thái, du lịch biển đảo.

Ngành nghề kinh doanh khác

- (i) Cho thuê văn phòng, dịch vụ kho bãi, khách sạn trên cơ sở khai thác các lợi thế tài sản hiện có.

5. Cơ cấu tổ chức, quản lý sau cổ phần hóa

Sơ đồ tổ chức TCT sau cổ phần hóa gồm có:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc và Phó tổng giám đốc
- 3 Khối vận hành gồm Khối kinh doanh, Khối đầu tư tài chính và Khối hỗ trợ
- 5 Ban chức năng thuộc Khối gồm: Ban Kinh doanh, Ban đầu tư, Ban Tài chính – Kế toán, Ban tổ chức – Nhân sự và Văn phòng
- 4 Chi nhánh trực thuộc.

Mô hình tổ chức trong hệ thống Tổng Công ty được hình thành trên cơ sở kiện toàn, cơ cấu lại các đơn vị trong hệ thống Công ty mẹ - Tổng Công ty hiện nay theo định hướng sau:

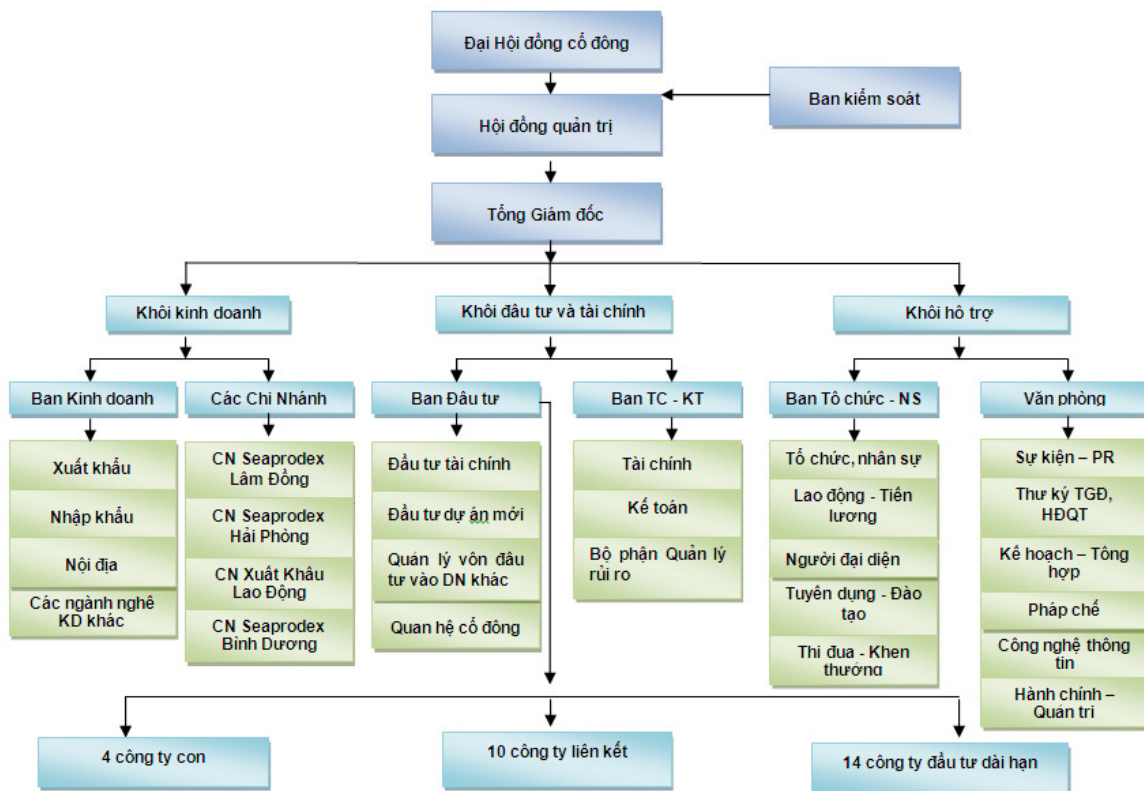
- Thống nhất để thực hiện quản lý và điều hành;
- Cơ cấu tổ chức phải gắn với mục tiêu hoạt động của TCT là tối đa hóa lợi nhuận. Sự phân bổ nguồn lực nhằm đạt mục tiêu hoạt động theo phương cách tăng cường tính độc lập và chủ động cho Khối kinh doanh và Khối Đầu tư và tài chính (Front office), Chú trọng chức năng Kiểm soát rủi ro (Middle office), đồng thời bố trí hợp lý Khối hỗ trợ (Back office);

- Cơ cấu tổ chức tập trung điều hành và phân công trách nhiệm rõ ràng cụ thể đối với từng phòng ban chức năng. Quy mô nhỏ, gọn làm nền tảng cho sự vận hành kinh doanh đạt hiệu quả và giảm tối đa chi phí hoạt động;
- Đảm bảo cân đối giữa quyền hành và trách nhiệm giữa các đơn vị trong cơ cấu tổ chức của Tổng công ty;
- Đảm bảo cơ cấu tổ chức linh hoạt, đối phó với sự thay đổi yếu tố môi trường kinh doanh bên ngoài. Quy trình vận hành nội bộ mang tính hệ thống nhằm có quyết sách đáp ứng kịp thời với yếu tố thay đổi của tổ chức.

Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát gồm mối quan hệ phân cấp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành được điều chỉnh theo điều lệ công ty cổ phần, theo đó một số nội dung chính như sau:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị đề xuất là 5 người, số lượng thành viên Ban Kiểm soát là 3 người.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.
- Đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại doanh nghiệp sau cổ phần hóa do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn xem xét, quyết định.

Hình 2: Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty mẹ sau cổ phần hóa



Trên cơ sở cơ cấu tổ chức hiện tại của TCT, nhằm đồng thời thực hiện kế hoạch tái cấu trúc là một trong mục tiêu thuộc phương án cổ phần hóa và ổn định hoạt động kinh doanh phù hợp với phương án xử lý lao động của TCT, SEAPRODEX xây dựng mô hình tổ chức mới theo định hướng như trên và trình bày đặc điểm thay đổi trong sơ đồ cơ cấu tổ chức của CTCP sau khi cổ phần hóa như sau:

■ **Khởi kinh doanh:**

- Hình thành mới Ban Kinh doanh là đơn vị được tổ chức lại từ Chi nhánh Xuất Nhập khẩu thuộc cơ cấu tổ chức hiện tại của Tổng Công ty.
- Hình thành mới Chi nhánh Xuất khẩu lao động Seaprodex, tiền thân là Bộ phận Xuất khẩu lao động trực thuộc Phòng Tổ chức và Xuất khẩu lao động trong cơ cấu tổ chức của SEAPRODEX trước khi cổ phần hóa. Mục tiêu của Chi nhánh là mở rộng quy mô hoạt động lĩnh vực xuất khẩu lao động.
- Hình thành mới Chi nhánh Seaprodex Bình Dương với nhiệm vụ triển khai đầu tư dự án tại Khu công nghiệp Sóng Thần.

■ **Khởi đầu tư và tài chính:**

- Hình thành mới Ban Đầu tư, tiền thân là Phòng Quản lý vốn vào doanh nghiệp khác và nhiệm vụ đầu tư dự án thuộc Phòng Kế hoạch – Tổng hợp trong cơ cấu tổ chức hiện tại nhằm thực hiện các nhiệm vụ chính như sau:
 - ✓ Đầu tư tài chính, gồm đầu tư gia tăng danh mục hiện hữu; đầu tư danh mục mới, thực hiện thương vụ mua bán, sát nhập.
 - ✓ Đầu tư dự án mới, gồm thực hiện đầu tư vào các dự án hiện có của Tổng Công ty, các Công ty con, liên kết; tìm kiếm các dự án mới.
 - ✓ Quan hệ cổ đông.
 - ✓ Quản lý vốn đầu tư tại danh mục hiện hữu. Đây là nhiệm vụ được giao cho Ban Đầu tư vào giai đoạn đầu sau cổ phần hóa nhằm ổn định công tác quản trị. Danh mục đầu tư hiện hữu sẽ được thoái vốn dần theo lộ trình thoái vốn đã được Bộ NNPTNT phê duyệt đến hết năm 2015. Sau đó, nhiệm vụ quản lý vốn đầu tư tại danh mục hiện hữu sẽ được giao cho Ban Tài Chính – Kế Toán tiếp nhận quản lý.

- **Khởi hỗ trợ:** thành lập 2 Ban mới là Ban Tổ chức – Nhân sự và Văn phòng Tổng công ty, tiền thân là 2 bộ phận thuộc Phòng Tổ chức và Xuất khẩu lao động theo cơ cấu tổ chức hiện nay. Đồng thời, Văn phòng Tổng Công ty đảm nhận nhiệm vụ Kế hoạch – Tổng hợp của Phòng Kế hoạch – Tổng hợp hiện nay.

6. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa

6.1. Kế hoạch đầu tư phát triển

Tổng Công ty đang thực hiện đầu tư 6 dự án như sau:

Bảng 19: Các dự án đang đầu tư

TT	Tên dự án	Mô tả dự án	Quy mô vốn đầu tư dự kiến	Thời gian xây dựng, đi vào hoạt động và nguồn vốn
1	Dự án Trung tâm thương mại và khách sạn tại số 211 Nguyễn Thái Học,	Xây dựng cơ sở kinh doanh 8 tầng cao, 2 tầng hầm phục vụ kinh doanh	40 tỷ VNĐ	Thời gian triển khai xây dựng: Quý I/2015

TT	Tên dự án	Mô tả dự án	Quy mô vốn đầu tư dự kiến	Thời gian xây dựng, đi vào hoạt động và nguồn vốn
	Q.1, TP.HCM.	thương mại và khách sạn, kết hợp dịch vụ thương mại. Diện tích xây dựng: 2063 m ²		Thời gian đi vào hoạt động: Q1/2016. Nguồn vốn: Vốn tự có.
2	Dự án Trung tâm Thương mại và Văn phòng cho thuê tại số 2 Ngô Gia Tự, Tp.Hà Nội.	Xây dựng khu văn phòng làm việc và cho thuê kết hợp dịch vụ thương mại có diện tích sàn xây dựng: 31.900m ² . Tổng công ty sở hữu 4.830m ² và 448m ² sân bãi (tầng 4, 5 và hầm).	323 tỷ VNĐ	Thời gian triển khai xây dựng: Quý I/2016 Thời gian đi vào hoạt động: Q1/2018. Nguồn vốn: Vốn góp bằng trị lợi thế khai thác quyền sử dụng đất (41 tỷ đồng); phần còn lại do đối tác góp.
3	Dự án khách sạn du lịch số 80 Thủy Vân, TP Vũng tàu.	Xây dựng khách sạn 3 sao, diện tích sàn xây dựng 8.357m ² (tầng hầm 900m ²), chiều cao công trình 12 tầng	100 tỷ VNĐ	Thời gian dự kiến triển khai xây dựng: Quý I/2016. Thời gian đi vào hoạt động: .Quý I/2018 Nguồn vốn: Vốn tự có.
4	Dự án kho hàng Logistic tại khu công nghiệp Sóng Thần II.	Xây dựng hệ thống lạnh và kho tổng hợp. Diện tích kho 21.000 m ²	190 tỷ VNĐ (tiền đất 42 tỷ VNĐ)	Thời gian triển khai xây dựng: Q1/2015. Thời gian đi vào hoạt động: Q4/2015. Nguồn vốn: Vốn góp đầu tư thành lập pháp nhân mới.
5	Dự án Trung tâm Y khoa số 7 Nơ Trang Long, Bình Thạnh, TPHCM.	Xây dựng cơ sở dịch vụ y khoa, diện tích xây dựng khoảng 6.800m ² . Số tầng cao 9 tầng.	60 tỷ VNĐ	Thời gian triển khai xây dựng: Quý I/2016. Thời gian đi vào hoạt động: Quý IV/2017. Nguồn vốn: Vốn tự có.
6	Dự án Trung tâm dịch vụ thương mại số 97/6 Kinh Dương Vương, Quận 6, TP.HCM.	Xây dựng cơ sở dịch vụ kinh doanh thương mại 5 tầng lầu, diện tích sàn xây dựng 1.900m ² .	15 tỷ VNĐ	Thời gian triển khai xây dựng: Q4/2015. Thời gian đi vào hoạt động: Q1/2017. Nguồn vốn: Vốn tự có.

Nguồn: SEAPRODEX

Ngoài ra, Tổng Công ty hiện đang có lượng tiền nhàn rỗi khá lớn và chủ yếu đang được gửi ngân hàng. Để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn, Tổng Công ty có kế hoạch và định hướng đầu tư như sau:

- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư trong ngành thủy sản, tăng cường các hoạt động mua bán và sáp nhập các công ty trong ngành, rà soát các khoản mục đầu tư trong danh mục đầu tư, thoái vốn tại các công ty kém hiệu quả và gia tăng tỷ trọng sở hữu tại các công ty thủy sản có tiềm năng tăng

trường cao như: CTCP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Năm Căn, CTCP Đồ hộp Hạ Long, CTCP Thủy Sản 4.

- Thành lập công ty con chuyên về đầu tư hoặc thành lập phòng/ban đầu tư để nghiên cứu, tìm hiểu các cơ hội đầu tư trong lĩnh vực thủy sản nói riêng và nông nghiệp nói chung.

6.2 Kế hoạch thoái vốn

Căn cứ quyết định số 2007/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 22/8/2012 của Bộ NN&PTNT về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu của SEAPRODEX và Công văn số 1293/BNN-ĐMDN ngày 17/4/2013 về việc thoái vốn của SEAPRODEX tại các công ty cổ phần và thực trạng tại Công ty Liên doanh Việt Nga, SEAPRODEX có kế hoạch thoái vốn dự kiến như sau:

Bảng 20: Kế hoạch thoái vốn

TT	Tên CTCP	Vốn điều lệ (VNĐ)	Vốn của TCT theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian thoái vốn dự kiến
1	CTCP Chế Biến Thủy Sản Hạ Long	6.646.000.000	2.110.000.000	31,78%	2014-2015
2	CTCP Khai thác và DVKT Thủy Sản Hạ Long	11.000.000.000	2.553.260.000	23,21%	2014
3	CTCP Bao Bì Thủy Sản	2.000.000.000	170.000.000	8,5%	2014-2015
4	CTCP Xây Lắp Thủy Sản II	15.280.000.000	1.280.000.000	8,38%	2014-2015
5	CTCP Thương Mại Quảng Cáo Seaprodex	2.500.000.000	1.000.000.000	40,0%	2014
6	CTCP Đầu Tư Kinh Doanh Phát Triển Nhà Seaprodex	68.000.000.000	2.000.000.000	2,94%	2014-2015
7	CTCP SXTM DV Phú Mỹ	14.000.000.000	2.500.000.000	17,86%	2015
8	CTCP XK Lao Động và DVTM Biển Đông	5.000.000.000	1.300.000.000	26,0%	2015
9	CTCP Kinh Doanh XNK Thủy Sản	10.500.000.000	1.890.000.000	18,0%	2015-2016
10	CTCP Vật Tư Thủy Sản Việt Nam	9.000.000.000	1.598.680.000	17,76%	2015
11	CTCP Biển Tây	26.345.910.000	470.020.000	1,78%	2014-2015
12	Công ty Liên doanh Thủy sản Việt-Nga(*)	80.000.000.000	40.000.000.000	50,0%	Giải thể 2014-2015

(*) Hiện nay, Công ty đang tiến hành thủ tục thanh lý tài sản, di dời nhà máy để bàn giao mặt bằng cho Dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm của Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng Công ty đã nhiều lần đề nghị việc giải thể Liên doanh này nhưng phía đối tác Nga không đồng ý. Vì vậy để thuận lợi cho các nhà đầu tư mua cổ phiếu IPO, Tổng Công ty kiến nghị được xử lý khoản vốn đầu tư tại Liên doanh này khi xem xét việc điều chỉnh phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần như sau:

- Phương án 1: Bàn giao vốn đầu tư 40 tỷ đồng tại Công ty Liên doanh này cho Công ty mua bán nợ do toàn bộ số tiền đã trích lập dự phòng 35.495.015.615 đồng đã được tăng vốn Nhà nước khi xác định giá

trị doanh nghiệp lần 1.

- Phương án 2: Tổng Công ty tiếp tục kế thừa khoản đầu tư tài chính dài hạn này với giá trị còn lại 4.504.984.385 đồng bằng giá trị vốn đầu tư (40 tỷ đồng) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư tài chính mà Tổng Công ty đã trích lập theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm 30/6/2013 và 31/12/2013 là 35.495.015.615 đồng (đã được tăng vốn Nhà nước khi xác định giá trị doanh nghiệp lần 1)

6.3 Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 – 2017

Kế hoạch kinh doanh của Công ty mẹ và Hợp nhất Tổng Công ty SEAPRODEX 3 năm sau cổ phần hóa được trình bày theo bảng sau

Bảng 21: Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2015 – 2017

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Khoản mục	Đơn vị tính	2015	2016	2017
Vốn điều lệ	Tỷ VNĐ	1.250	1.250	1.250
Doanh thu thuần Công ty mẹ	Tỷ VNĐ	233,6	188,9	209,1
Doanh thu thuần hợp nhất	Tỷ VNĐ	4.055,6	4.606,3	5.266,6
Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	Tỷ VNĐ	47,2 ^(*)	84,1	100,9
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ VNĐ	66,2	109,6	131,1
Nộp ngân sách	Tỷ VNĐ	29,2	29,2	29,2
Số lao động	Người	105	105	105
Thu nhập bình quân	Triệu VNĐ/người/tháng	11,9	12,5	13,1
Tỷ lệ cổ tức hàng năm (**)	%	0,0%	6,0%	8,0%
Phân phối lợi nhuận Công ty mẹ	Tỷ VNĐ	47,2	84,1	100,9
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi (5%)</i>	Tỷ VNĐ	2,4	4,2	5,0
<i>Quỹ dự phòng tài chính (5%)</i>	Tỷ VNĐ	2,4	4,2	5,0
<i>Quỹ đầu tư phát triển (5%)</i>	Tỷ VNĐ	2,4	4,2	5,0
<i>Lợi nhuận chia cổ tức</i>	Tỷ VNĐ	0,0	75	100
<i>Lợi nhuận giữ lại chưa phân phối</i>	Tỷ VNĐ	40,1	36,6	22,4

Nguồn: SEAPRODEX

(*) Tổng Công ty lập kế hoạch kinh doanh 2015 trên cơ sở giả định khoản đầu tư vào Liên doanh Thủy sản Việt-Nga không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận cho giải thể nên TCT ghi nhận lỗ 35 tỷ đồng vào kết quả hoạt động SXKD năm 2015 (trị giá đầu tư là 40 tỷ đồng, có thể thu hồi 5 tỷ đồng). Trường hợp cơ quan Nhà nước quản lý có văn bản chấp thuận cho TCT xử lý khoản đầu tư này trước khi xác định giá trị doanh nghiệp lần 2 để chuyển Tổng Công ty Nhà nước thành CTCP và không ghi nhận khoản lỗ trong năm 2015 thì lợi nhuận sau thuế công ty mẹ và hợp nhất sẽ tăng một khoản tương ứng.

(**) Chính sách cổ tức

Lợi nhuận sau thuế 2015 – 2017 có kế hoạch phân bổ nhằm đạt được mục tiêu tỷ lệ chia cổ tức 6% - 8% từ năm tài chính thứ hai sau cổ phần hóa. TCT dự kiến tỷ lệ cổ tức sẽ tăng cao hơn sau giai đoạn dự phóng do nguồn thu được ghi nhận từ 06 dự án đầu tư đang triển khai thuộc lĩnh vực dịch vụ Cho thuê mặt bằng thương mại, khách sạn, kho hàng, y tế tại cơ sở kinh doanh trọng điểm của TCT theo kế hoạch sử dụng bất động sản sau cổ phần hóa. Phương án phân phối lợi nhuận cụ thể như sau:

- Năm 2015, do phải trích lập dự phòng 52 tỷ đồng chủ yếu là những khoản đầu tư không có khả năng thu hồi tại liên doanh Seaprimfco, Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản nên lợi nhuận đạt được thấp. TCT không chia cổ tức và dùng nguồn lợi nhuận giữ lại tích lũy lợi tức cho các năm sau. Trong trường hợp Cơ quan Nhà nước quản lý có chấp thuận cho TCT xử lý khoản đầu tư Seaprimfco này và không ghi nhận khoản lỗ trong năm 2015 thì mức cổ tức có thể được chia cho năm 2015, 2016 và 2017 lần lượt là 5%, 6% và 7,5%.
- Năm 2016 – 2017, TCT phân phối toàn bộ lợi nhuận sau thuế sau khi trừ đi khoản trích lập Quỹ dự phòng theo quy định và phân phối thêm lần lượt 50% và 50% lợi nhuận giữ lại năm 2015.

Lưu ý: Chỉ tiêu tài chính kế hoạch cho 3 năm 2015 – 2017 không bao gồm số liệu của Chi nhánh Cát Lở, Công ty Biển Đông và Công ty TNHH MTV Thủy Sản Hạ Long do các đơn vị này sẽ được tách ra khỏi TCT sau cổ phần hóa.

➤ Các giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh 2015 – 2017:

Các giải pháp chung:

- Xây dựng hệ thống các quy trình, quy chế quản lý nội bộ với biện pháp quản trị hiện đại nhằm quản lý hiệu quả các hoạt động của Tổng công ty.
- Tiếp tục tập trung hoàn thiện và triển khai các dự án đầu tư để sớm đưa vào khai thác nhằm tăng lợi nhuận từ các dự án này. Đồng thời tiếp tục khai thác có hiệu quả đối với tài sản, kho tàng, bến bãi hiện có của Tổng công ty.
- Giảm dần kinh doanh các mặt hàng nhập khẩu rủi ro cao, để tập trung vào kinh doanh các ngành hàng mang lại hiệu quả cao.
- Thông qua người đại diện phần vốn tại các Công ty con để đầu tư mới, nâng cấp nhà máy chế biến thủy sản, đồng thời phối hợp với doanh nghiệp quản lý và điều hành hiệu quả để tăng doanh thu và lợi nhuận.
- Nghiên cứu để tiếp tục nâng cao giá trị đầu tư của Tổng công ty tại các Công ty liên kết, Công ty đầu tư tài chính dài hạn đã và đang hoạt động sản kinh doanh hiệu quả.
- Tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả trong các lĩnh vực thủy sản và nông nghiệp.
- Hỗ trợ cùng với các Công ty con, Công ty liên kết, Công ty đầu tư tài chính dài hạn của Tổng công ty tham gia vào các Chương trình mục tiêu của Ngành, nhằm đóng góp và xác định vai trò của Tổng công ty đối với Ngành, đồng thời gia tăng doanh thu và lợi nhuận từ các chương trình này.

Các giải pháp cụ thể:

Đơn vị kinh doanh	Giải pháp thực hiện
Văn phòng TCT	Doanh thu từ Văn phòng TCT năm 2014 giữ ổn định ở mức 28 tỷ VNĐ, các năm dự kiến duy trì nguồn thu 10 tỷ VNĐ/năm do các cơ sở kinh doanh dừng cho thuê

			để triển khai dự án đầu tư. Từ năm 2017, nguồn thu tăng thêm 13 tỷ VNĐ do dự án Kho hàng KCN Sóng Thần bắt đầu đưa vào khai thác với tổng diện tích Kho là 18.000m ² , giá thuê bình quân 3USD/m ² /năm.
Chi nhánh Nhập Khẩu	Xuất		Năm 2014, cơ sở giả định dự phóng doanh thu chi nhánh là chỉ tiêu kế hoạch được TCT giao, quy mô doanh thu là 298 tỷ VNĐ. Từ năm 2015 trở đi, TCT định hướng kinh doanh thương mại nhập khẩu giảm dần để tập trung vào lĩnh vực kinh doanh có hiệu quả, mục tiêu giảm 33,3% so với năm 2014 và tiếp tục giảm từ 25%-30% các năm sau do áp lực nguồn vốn lưu động, tỷ suất sinh lời thấp (đối với hoạt động nhập khẩu) và không có lợi thế cạnh tranh do thiếu cơ sở sản xuất chế biến xuất khẩu (đối với hoạt động xuất khẩu).
Chi nhánh Cảng Cá Cát Lở Vũng Tàu	Cá		Đang chờ bàn giao Chi nhánh về Công ty TNHH MTV Biển Đông theo quyết định của Bộ NNPTNT. Dự kiến cuối tháng 6/2014 sẽ tổ chức bàn giao nên doanh thu 6 tháng đầu năm 2014 Chi nhánh đóng góp 14 tỷ VNĐ. Các năm tiếp theo Chi nhánh không còn đóng góp vào doanh thu TCT nên không tính vào kế hoạch tài chính 3 năm 2015-2017.
Chi nhánh Seaprodex Phòng	Hải		Năm 2014, ghi nhận theo giả định thực hiện đạt kế hoạch được TCT giao là 7 tỷ VNĐ. Năm 2015, doanh thu dự kiến tăng theo tỷ lệ lạm phát. Từ năm 2016, nguồn thu từ chi nhánh tăng thêm 3 tỷ đồng/năm do hoạt động cho thuê khai thác cầu cảng tăng thêm tại Chi nhánh.
Chi nhánh Seaprodex Đồng	Lâm		Dự án có tính khả thi và sau thời gian nghiên cứu và thử nghiệm (2011-2012) đến nay, Chi nhánh đã tổ chức nuôi đại trà cá tầm. Cá tầm Seaprodex đã được nhiều khách hàng trong và ngoài nước biết đến; ước tính sản lượng thu hoạch tăng 50% trong 2015 và tăng bình quân 20%/năm trong giai đoạn 2016-2017. Sản lượng năm 2015-2017 ước tính đạt lần lượt là 140, 210, 280 tấn cá/ năm.
CTCP Sản Miền Trung	XNK Thủy		Chiếm vị thế quan trọng trong cơ cấu doanh thu TCT với mức đóng góp 47% trong cơ cấu doanh thu TCT năm 2013. Duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân theo ngành nghề xuất khẩu tôm là 5,76%/năm. Đồng thời, tăng doanh thu theo tỷ lệ lạm phát và tỷ giá dự phóng năm 2014-2017. Dự kiến đóng góp bình quân trên 45% vào cơ cấu doanh thu TCT trong giai đoạn năm 2015-2017.
CTCP Sản Năm Căn	XNK Thủy		Hoạt động kinh doanh ổn định và duy trì tốc độ tăng bình quân 18,8%/năm có tính đến tác động tỷ giá (theo mức tăng trưởng bình quân năm 2011-2013). Quy mô công suất duy trì 70%, tương đương khoảng 2.000 tấn/năm.
CTCP Sản Hà Nội	XNK Thủy		Hoạt động kinh doanh ổn định và dự kiến tăng theo tỷ lệ lạm phát dự phóng năm 2014-2017
CTCP Cơ Khí Đóng Tàu Thủy Sản VN và các doanh nghiệp cơ khí đóng, sửa tàu thuyền	Đóng		Tìm kiếm cơ hội để tham gia vào Chương trình thiết kế, đóng mới tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu kiểm ngư và tàu cảnh sát biển mới được Chính phủ ban hành.

III. VỐN ĐIỀU LỆ, CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ

1. Vốn điều lệ

Căn cứ vào tình hình tài chính, quy mô và tính chất hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty sau cổ phần hóa, Tổng Công ty đề xuất mức vốn điều lệ sau cổ phần hóa như sau:

Vốn điều lệ của SEAPRODEX: 1.250.000.000.000 đồng
(Một nghìn hai trăm năm mươi tỷ đồng chẵn)

Mệnh giá một cổ phần: 10.000 đồng

Số lượng cổ phần: 125.000.000 cổ phần

2. Cơ cấu vốn điều lệ

Đơn vị tính: đồng

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ so với vốn điều lệ
1	Nhà nước	63.750.000	637.500.000.000	51,00%
2	Người lao động mua ưu đãi	423.600	4.236.000.000	0,34%
2.1	Lao động được mua theo giá ưu đãi (theo mức 100 cổ phần/năm)	219.400	2.194.000.000	0,18%
2.2	Lao động đủ điều kiện cam kết mua thêm cổ phần ưu đãi (theo mức 200 cổ phần/năm)	105.200	1.052.000.000	0,08%
2.3	Lao động là chuyên gia giỏi mua theo giá ưu đãi (theo mức 500 cổ phần/năm)	99.000	990.000.000	0,08%
3	Nhà đầu tư bên ngoài	60.826.400	608.264.000.000	48,66%
Tổng cộng		125.000.000	1.250.000.000.000	100%

IV. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN

Phương thức chào bán cho từng đối tượng cụ thể như sau:

1. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đối với nhà đầu tư tham dự đấu giá

1.1. Hình thức chào bán

- Số lượng cổ phiếu chào bán: **60.826.400** cổ phần
- Loại cổ phiếu: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá khởi điểm: **10.100** đồng/cổ phần
- Phương thức chào bán: Đấu giá theo mô hình đấu giá công khai tại Sở dịch Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

1.2. Đối tượng tham gia và số lượng cổ phần đăng ký mua

- Đối tượng tham gia: : Các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đáp ứng điều kiện theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của SEAPRODEX.
- Số lượng cổ phần đăng ký đặt : 100 cổ phần
mua tối thiểu:
- Số lượng cổ phần đặt mua tối đa: : 60.826.400 cổ phần
- Số lượng giới hạn đối với mỗi nhà : tối đa: 60.826.400 cổ phần
đầu tư trong nước
- Số lượng giới hạn đối với mỗi nhà : tối đa: 60.826.400 cổ phần
đầu tư nước ngoài
- Số lượng đặt mua : theo bội số 100
- Đặt cọc: : 10% giá trị cổ phần đặt mua tính theo giá khởi điểm

1.3. Thời gian và địa điểm thực hiện

- Thời gian và địa điểm nhận công bố thông tin, đăng ký tham gia đấu giá, nộp tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá: Quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của SEAPRODEX.
- Thời gian đăng ký tại các đại lý đấu giá: Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của SEAPRODEX.
- Thời gian các Đại lý nhận phiếu tham dự đấu giá: Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của SEAPRODEX.
- Thời gian tổ chức đấu giá: Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của SEAPRODEX.
- Địa điểm tổ chức đấu giá: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh - Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TPHCM
- Thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần và nhận lại tiền đặt cọc: Theo quy định trong Quy chế bán

đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của SEAPRODEX.

- Tổng Công ty thực hiện bán đấu giá một lần, tùy số lượng bán thành công sẽ điều chỉnh vốn điều lệ (nếu có) để chuyển Tổng Công ty sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần.

1.4. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán

❖ Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 38217713 Fax: (84-8) 38217452
Website: www.hsx.vn

❖ Tổ chức tư vấn bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Trụ sở chính: Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 38242897 - Fax: (84-8) 38242997
Chi nhánh Hà Nội: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 39366321 Fax: (84-4) 39366311
Website: www.ssi.com.vn

❖ Tổ chức tư vấn lập phương án CPH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Trụ sở chính: Tháp tài chính Bitexco, lầu 15, số 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. HCM
Điện thoại: (84-8) 39143588 – Fax: (84-8) 39143209
Website: <https://www.vcsc.com.vn>

❖ Tổ chức tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 3 ngõ 1295 Đường Giải Phóng, Hoàng Mai, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 9745 081 - (84-4) 9745 082 Fax: (84-4) 9745 083
Website: www.cpahanoi.com

2. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đối với người lao động

2.1. Giá chào bán

Theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP, giá cổ phần chào bán cho cán bộ công nhân viên như sau:

- Đối với người lao động đủ điều kiện mua cổ phần ưu đãi, giá cổ phần chào bán bằng 60% giá đấu giá thành công thấp nhất.
- Đối với số lượng cổ phần bán cho cán bộ công nhân viên theo số năm cam kết làm việc và cán bộ công nhân viên trình độ cao của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam, giá cổ phần chào bán

thêm bằng giá đấu giá thành công thấp nhất.

2.2. Số lượng cổ phần chào bán

- Người lao động được mua theo giá ưu đãi	:	146 người	219.400 cổ phần
- Người lao động đủ điều kiện cam kết mua thêm cổ phần ưu đãi	:	56 người	105.200 cổ phần
- Người lao động là chuyên gia mua theo giá ưu đãi	:	24 người	99.000 cổ phần
Tổng cộng			423.600 cổ phần

2.3. Phương thức chào bán: chào bán trực tiếp cho người lao động

2.4. Phương thức và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần: do TCT quy định cụ thể.

V. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA

1. Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phần hóa

Theo điều 42 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, hình thức cổ phần là bán bớt phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, tiền thu từ đợt chào bán cổ phần giá trị tương ứng với số cổ phần chào bán tính theo mệnh giá, phần thặng dư vốn được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa và thực hiện chính sách với người lao động dôi dư theo quy định hiện hành. Số tiền thu từ bán phần vốn Nhà nước còn lại được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phần và chuyển về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp là 613.557.694.250 VNĐ.

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Dự kiến tiền thu từ bán phần vốn Nhà nước <i>Trong đó:</i>	617.738.624.000
1.1	Phát hành cổ phần ưu đãi cho cán bộ công nhân viên	3.391.984.000
1.2	Phát hành cổ phần cho cổ đông khác	614.346.640.000
2	Tổng các khoản chi phí	4.180.929.750
2.1	Chi phí cổ phần hóa dự kiến	1.260.000.000
2.2	Chi phí chi trả trợ cấp cho lao động dôi dư dự kiến	2.920.929.750
3	Tiền thu từ bán phần vốn Nhà nước chuyển về Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp	613.557.694.250

Lưu ý: Bảng trên được tính toán dựa trên cơ sở toàn bộ số cổ phần chào bán được bán hết và giá bán của toàn bộ số cổ phần này tương đương với giá khởi điểm (10.100 đồng/CP).

2. Chi phí cổ phần hóa dự kiến

Bảng 22: Chi phí cổ phần hóa dự kiến

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Chi phí trực tiếp	668.800.000
	<i>Chi phí tập huấn nghiệp vụ CPH</i>	<i>28.400.000</i>
	<i>Chi phí kiểm kê, xác định giá trị tài sản</i>	<i>60.400.000</i>
	<i>Chi phí lập phương án CPH, xây dựng Điều lệ</i>	<i>30.000.000</i>
	<i>Chi phí đại hội công nhân viên chức</i>	<i>30.000.000</i>

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
	<i>Chi phí tuyên truyền, công bố thông tin về doanh nghiệp</i>	<i>40.000.000</i>
	<i>Chi phí cho việc tổ chức bán cổ phần</i>	<i>400.000.000</i>
	<i>Chi phí Đại hội cổ đông lần đầu</i>	<i>80.000.000</i>
2	Tiền thuê kiểm toán, tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp	300.000.000
3	Thù lao cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Tổ giúp việc	247.500.000
4	Chi phí khác liên quan đến cổ phần hóa	43.700.000
	Tổng cộng	1.260.000.000

VI. RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro kinh tế

Là một công ty hoạt động sản xuất trong nền kinh tế thị trường, kết quả kinh doanh cũng như các bước phát triển của SEAPRODEX luôn gắn liền và chịu tác động trực tiếp bởi những biến động của nền kinh tế vĩ mô. Trong năm 2013 và 6 tháng đầu năm 2014, cùng với những dấu hiệu phục hồi tích cực của nền kinh tế toàn cầu và những nỗ lực của Chính phủ nhằm kích thích nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản như kiềm chế lạm phát, ổn định tỷ giá v.v đã hỗ trợ rất nhiều cho các doanh nghiệp sản xuất nói chung và SEAPRODEX nói riêng.

- **Tăng trưởng GDP:** Tăng trưởng GDP đã tăng từ 5,25% trong năm 2012 lên mức 5,42% trong năm 2013. Xét riêng 6 tháng đầu năm 2014, GDP đã tăng khoảng 5,18% so với cùng kỳ năm 2013, đồng thời là mức tăng cao nhất trong 3 năm trở lại đây. Các diễn biến này cho thấy nền kinh tế đang dần phục hồi, sức mua được cải thiện, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vì thế cũng được cải thiện hơn.
- **Lạm phát:** Từ mức lạm phát 2 con số vào những năm trước năm 2012, Chính phủ đã điều hành chính sách kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô một cách quyết liệt, dẫn đến việc lạm phát đã giảm xuống chỉ còn 6,84% năm 2012, 6,04% năm 2013. 6 tháng đầu năm 2014, mức lạm phát chỉ có 1,38%, bằng 1/5 mục tiêu lạm phát của cả năm 2014 và thấp nhất trong 13 năm trở lại đây.
- **Lãi suất:** Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Từ đầu năm 2012 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm mạnh, từ đó các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn. Từ mức lãi suất trên 20% những năm 2010 – 2011, lãi suất cho vay thời điểm hiện tại đã giảm mạnh xuống phổ biến ở mức 9 – 10%/ năm.

2. Rủi ro luật pháp

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam sẽ không còn được chi phối theo Nghị định 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ về quy chế quản lý tài chính của Công ty Nhà nước và quản lý vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp mà chỉ chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp 2005 và các văn bản liên quan. Ngoài ra, SEAPRODEX sẽ còn chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán khi trở thành Công ty đại chúng và niêm yết. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu đầu vào

Đối với ngành thủy sản chế biến xuất khẩu: Nguyên vật liệu đầu vào của SEAPRODEX và các công ty con chủ yếu là các loại thủy sản được khai thác và nuôi trồng trong nước như tôm, mực, cá,

trong đó, tôm là sản phẩm chủ lực, chiếm xấp xỉ 90% tổng sản lượng tiêu thụ của Tổng Công ty qua các năm. Do đó, các biến động liên quan đến nguyên liệu đầu vào là tôm đều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như: thời tiết, môi trường nuôi trồng thủy sản, điều kiện nuôi trồng đặc biệt là nguồn nước, chất lượng con giống, công nghệ nuôi, thức ăn, dịch bệnh. Để đảm bảo đủ nguồn nguyên liệu cho sản xuất với chi phí hợp lý, Công ty luôn chuẩn bị kế hoạch thu mua tôm nguyên liệu chi tiết, liên kết, phối hợp chặt chẽ với nguồn nuôi và đại lý thu mua để đảm bảo nguồn dự trữ và tồn kho hợp lý.

Đối với ngành kinh doanh thương mại nhập khẩu: Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu của Tổng Công ty gồm các mặt hàng nguyên liệu cho ngành sản xuất cơ khí, kinh doanh bất động sản như sắt, thép, kim loại màu v.v. SEAPRODEX nhập các loại hàng hóa này từ các nhà cung cấp ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và các nước trong khối Asean. Giá nhập khẩu các mặt hàng này trong thời gian gần đây, bên cạnh việc phụ thuộc vào các yếu tố cung – cầu, còn diễn biến phức tạp theo các căng thẳng về chính trị, các quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại song phương và đa phương giữa Việt Nam và các quốc gia này. Do đó, để đảm bảo nguồn cung cấp với giá cả hợp lý, Công ty thường lựa chọn các nhà cung cấp lớn và uy tín để hạn chế bớt rủi ro trong hoạt động kinh doanh thương mại nhập khẩu.

3.2. Rủi ro cạnh tranh

Hiện tại ở Việt Nam có đến hàng trăm doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu tôm. Tuy nhiên, quy mô toàn ngành sản xuất không được tổ chức tốt dẫn đến có nhiều công ty nhỏ lẻ, cạnh tranh không lành mạnh, bán phá giá làm cho mặt bằng giá thị trường không ổn định, ảnh hưởng phần nào đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Ngoài ra, tôm Việt Nam xuất khẩu bị cạnh tranh gay gắt bởi các nước cung cấp khác như Thái Lan, Ấn Độ, Indonesia do giá thành sản xuất cao và tỷ lệ thả nuôi thành công thấp. Bên cạnh đó, các nhà chế biến tôm Việt Nam còn bị các thương lái Trung Quốc cạnh tranh mạnh mẽ trong việc thu mua tôm nguyên liệu.

3.3. Rủi ro về thị trường tiêu thụ

Đối với ngành thủy sản chế biến xuất khẩu: Sản phẩm thủy sản chế biến đông lạnh chịu tác động khắt khe về vấn đề vệ sinh an toàn và chất lượng. Hiện nay, toàn bộ quy trình sản xuất sản phẩm của nhóm các công ty thuộc SEAPRODEX được thực hiện theo những hệ thống quản lý chất lượng đã đạt được phù hợp với yêu cầu của những thị trường nhập khẩu. Tuy nhiên, nếu có những thay đổi về tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm của các thị trường tiêu thụ thì sẽ dẫn tới sự xáo trộn trong sản xuất và tăng thêm chi phí của Công ty. Hoạt động xuất nhập khẩu luôn gắn liền với những thông lệ, tập quán quốc tế cũng như những ràng buộc về mặt pháp lý của các nước nhập khẩu. Còn nhiều yếu tố khách quan từ luật pháp các nước sở tại như chính sách bảo hộ, các qui định về mẫu mã, bao bì, thương hiệu sản phẩm có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đối với ngành kinh doanh thương mại nhập khẩu: thị trường tiêu thụ của các sản phẩm sắt, thép nhập khẩu là để cung cấp trực tiếp hoặc nhập khẩu ủy thác cho các doanh nghiệp trong nước phục vụ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước. Tuy nhiên trong thời gian gần đây, ngành sản xuất sắt, thép trong nước đang trong tình trạng dư thừa công suất, thị trường thứ cấp về kinh doanh bất động sản vẫn còn trầm lắng. Để hạn chế rủi ro của hoạt động thương mại nhập khẩu, trong ngắn hạn, Tổng Công ty tập trung kiểm soát chặt chẽ quá trình kinh doanh, rà soát chọn lọc sản phẩm, sàng lọc khách hàng. Về dài hạn, Tổng Công ty có thể tham gia vào chuỗi sản xuất và phân phối các sản phẩm trên cơ sở phù hợp với định hướng mở rộng các ngành nghề kinh doanh có liên quan ngành nghề chính.

3.4 Rủi ro tỷ giá

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh xuất khẩu thủy sản chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của Tổng Công ty: năm 2012 chiếm 29,5%, năm 2013 chiếm 34,2%, do đó, các biến động của tỷ giá gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Thị trường xuất khẩu chủ lực của Tổng Công ty là Châu Âu và Nhật Bản, do đó hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty phụ thuộc nhiều vào các biến động của tỷ giá đồng bảng Anh và Yên Nhật so với đồng Việt Nam.

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh thương mại nhập khẩu với các sản phẩm nhập trực tiếp từ các nước Châu Á và được chi trả bằng đồng đô la Mỹ - là đối tượng trong mục tiêu điều hành tỷ giá của Chính phủ nên rủi ro về tỷ giá không lớn.

3.5 Rủi ro về nguồn nhân lực và thu hút lao động:

Ngành chế biến thủy sản đang bị cạnh tranh gay gắt về nguồn lao động với các ngành có nhu cầu sử dụng nhiều lao động như dệt may, da giày v.v. Trong thời gian gần đây, cán cân lợi thế đang nghiêng về phía các ngành công nghiệp này, đặc biệt là trong điều kiện sản xuất tập trung trong các khu công nghiệp.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Việc chào bán cổ phần ra công chúng của Tổng Công ty chịu ảnh hưởng lớn bởi tình hình thị trường chứng khoán và các diễn biến của nền kinh tế vĩ mô. Những dấu hiệu bất lợi của các yếu tố này có ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư và khả năng hấp thụ của thị trường.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro mang tính đặc thù trong hoạt động kinh doanh, một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo, tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người, từ đó tác động lớn đến tình hình kinh doanh của Tổng Công ty.

VII. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Ông Hà Công Tuấn	Thứ trưởng Bộ NNPTNT – Trưởng Ban
Ông Đỗ Văn Nam	Vụ trưởng, Trưởng Ban đổi mới và Quản lý doanh nghiệp nông nghiệp – Phó Trưởng Ban thường trực
Ông Võ Phước Hòa	Phụ trách Hội đồng thành viên – Phó Trưởng Ban
Ông Phạm Xuân Hoàn	Phó Vụ Trưởng, Trưởng Ban đổi mới và Quản lý doanh nghiệp nông nghiệp – Thành viên
Ông Lại Hữu Ước	Phó Vụ Trưởng, Trưởng Ban đổi mới và Quản lý doanh nghiệp nông nghiệp – Thành viên
Ông Trần Tấn Tâm	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Tổng Công ty – Thành viên
Ông Võ Văn Luân	Chủ tịch Công Đoàn Tổng Công ty – Thành viên
Bà Đỗ Thị Thuýết	Chuyên viên, Ban đổi mới và Quản lý doanh nghiệp nông nghiệp – Thành viên
Bà Luyện Thuý Loan	Chuyên viên, Ban đổi mới và Quản lý doanh nghiệp nông nghiệp – Thành viên
Ông Bùi Khắc Hiền	Chuyên viên, Ban đổi mới và Quản lý doanh nghiệp nông nghiệp – Thành viên

2. Tổ chức đấu giá

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM

Ông Trần Tấn Tâm	Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám Đốc Tổng Công ty
Bà Bùi Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng Tổng Công ty
Bà Phan Thuý Anh	Kiểm soát viên phụ trách Tổng Công ty
Ông Lê Công Đức	Phó Tổng Giám Đốc Tổng Công ty, Giám đốc Chi Nhánh Xuất Nhập Khẩu
Ông Lâm Hồng Thanh	Phó Tổng Giám Đốc Tổng Công ty, Giám đốc Chi nhánh Cảng Cá Cát Lở – Vũng Tàu
Ông Nguyễn Văn Công	Giám Đốc Chi nhánh SeaproDEX Hải Phòng
Ông Nguyễn Minh Tiến	Giám Đốc Chi nhánh SeaproDEX Lâm Đồng
Ông Mai Xuân Phong	Trưởng phòng Tổ chức và Xuất khẩu lao động
Ông Trần Hữu Hạnh	Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp
Ông Trần Phước Thái	Trưởng phòng Quản lý vốn vào doanh nghiệp khác

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

3. Tổ chức tư vấn bán đầu giá cổ phần lần đầu ra công chúng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

Ông Nguyễn Hồng Nam:	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
----------------------	----------------------------

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam cung cấp.

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CPH

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP BÁN ĐẤU GIÁ

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

NGUYỄN HỒNG NAM

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC